

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU  
CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY  
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA  
TRÁI PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP**

## **BẢN CÁO BẠCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**



*Giấy chứng nhận ĐKDN số 0101352858 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp  
lần đầu ngày 07/04/2003, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018*

**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**  
*(Quyết định đăng ký niêm yết số 501/SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán cấp  
ngày 21 tháng 01 năm 2023)*

**BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

### **TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:**

**Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Tel: (024) 3732 1090 - Fax: (024) 3732 1083

Website: <http://www.vntlogistics.com> - Email: [info@vntlogistics.com](mailto:info@vntlogistics.com)

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ: Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3773 7070 - Fax: (024) 3773 9058

Email: [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn) - Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

*Phụ trách công bố thông tin:*

*Họ tên: Lý Việt An*

*Số điện thoại: 0941.898.788 – Email: [anlv@vntlogistics.com](mailto:anlv@vntlogistics.com)*



---

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0101352858 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp  
lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018)

**Địa chỉ:** Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

**Điện thoại:** (024) 3732 1090 - Fax: (024) 3732 1083

Website: <http://www.vntlogistics.com> - Email: [info@vntlogistics.com](mailto:info@vntlogistics.com)

**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

<b>Tên trái phiếu:</b>	<b>Trái phiếu Chuyển đổi Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương</b>
Loại trái phiếu	: Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo
Mã trái phiếu	: VNT <sub>[NH1]</sub> LTN2 <sub>[LTN2]</sub> 421032
Thời điểm đáo hạn	: 02 năm kể từ ngày phát hành
Lãi suất	: 7%/năm
Kỳ trả lãi	: 01 năm/lần
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 592.546 Trái phiếu Trái phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	: 59.254.600.000 đồng

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

Địa chỉ	: Tầng 5, Sai Gon 3 Building, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (028) 3827 5026
Fax	: (028) 3827 5027
Website	: <a href="http://www.rsm.com.vn">www.rsm.com.vn</a>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ	: Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Số Điện thoại	: (024) 3773 7070
Fax	: (024) 3773 9058
Website	: <a href="http://www.fpts.com.vn">www.fpts.com.vn</a>

01352  
CÔNG  
CỔ PH  
IÊN NHẬP  
NGOẠI T  
SNG Đ



## MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	7
1.	Rủi ro kinh tế.....	7
2.	Rủi ro về pháp luật .....	14
3.	Rủi ro đặc thù .....	15
4.	Rủi ro đối với trái phiếu niêm yết .....	16
5.	Rủi ro pha loãng .....	17
6.	Rủi ro quản trị Công ty (Sau khi chuyển đổi thành cổ phiếu tăng vốn điều lệ).	18
7.	Rủi ro khác .....	19
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	20
1.	Tổ chức niêm yết.....	20
2.	Tổ chức tư vấn.....	20
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	21
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	22
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	22
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty .....	29
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý công ty .....	32
4.	Danh sách cổ đông.....	34
5.	Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà Tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Tổ chức niêm yết .....	35
6.	Hoạt động kinh doanh .....	36
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	45
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	48
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	49
8.2.	Triển vọng phát triển ngành .....	49
8.3.	So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	49
8.4.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới .....	50
9.	Chính sách đối với người lao động .....	50
10.	Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu trong danh mục nợ của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	53
10.1.	Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu.....	53



10.2. Thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của tổ chức đăng ký niêm yết.....	53
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	54
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	62
13. Tài sản Công ty.....	85
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo ....	87
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	89
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	90
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu niêm yết .....	90
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....	91
1. Loại chứng khoán .....	91
2. Tên trái phiếu.....	91
3. Mã trái phiếu.....	91
4. Thời hạn trái phiếu.....	91
5. Mệnh giá .....	91
6. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	91
7. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết.....	91
8. Xếp hạng tín nhiệm .....	91
9. Lãi suất .....	91
10. Kỳ hạn trả lãi .....	91
11. Cam kết về bảo đảm .....	91
12. Mục đích sử dụng vốn .....	91
13. Tình hình sử dụng vốn thực tế.....	92
14. Phương pháp tính giá.....	92
15. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (đối với niêm yết trái phiếu).....	92
16. Phương thức thực hiện quyền.....	93
17. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết .....	95
18. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	95
19. Các loại thuế liên quan .....	96
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....	96
VII. PHỤ LỤC .....	96



---

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1: Các ngành nghề chính của Công ty.....	22
Bảng 2: Các thành tích của Công ty .....	25
Bảng 3: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty .....	25
Bảng 4: Danh sách Hội đồng quản trị Công ty.....	30
Bảng 5: Danh sách Ban kiểm soát Công ty .....	31
Bảng 6: Danh sách Ban Tổng giám đốc Công ty .....	31
Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ - Công ty mẹ .....	36
Bảng 8: Cơ cấu Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ - Hợp nhất .....	37
Bảng 9: Cơ cấu chi phí qua các năm – Mẹ .....	37
Bảng 10: Cơ cấu chi phí qua các năm - Hợp nhất.....	38
Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm – Công ty mẹ .....	38
Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm - Hợp nhất.....	38
Bảng 13: Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết .....	44
Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, 2021 và Quý I/2022 - Riêng .....	45
Bảng 15: Kết quả kinh doanh năm 2020, 2021 và Quý I/2022 - Hợp nhất.....	46
Bảng 16: Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp tiêu biểu trong ngành năm 2021 .....	49
Bảng 17: Cơ cấu lao động Công ty.....	51
Bảng 18: Thời gian khấu hao tài sản cố định .....	54
Bảng 19: Các loại thuế phải nộp - Riêng.....	54
Bảng 20: Các loại thuế phải nộp - Hợp nhất .....	54
Bảng 21: Nợ phải trả của Công ty – Riêng.....	55
Bảng 22: Nợ phải trả của Công ty - Hợp nhất.....	55
Bảng 23: Các khoản nợ phải thu - Riêng.....	56
Bảng 24: Phải thu quá hạn của Công ty – Riêng.....	56
Bảng 25: Các khoản nợ phải thu - Hợp nhất .....	57
Bảng 26: Phải thu quá hạn của Công ty - Hợp nhất .....	58
Bảng 27: Các khoản nợ phải trả - Riêng .....	59
Bảng 28: Các khoản nợ phải trả - Hợp nhất .....	60
Bảng 29: Một số chỉ tiêu tài chính theo Báo cáo tài chính riêng .....	61
Bảng 30: Một số chỉ tiêu tài chính theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	61
Bảng 31: Danh sách thành viên HĐQT của Công ty .....	62
Bảng 32: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc .....	74
Bảng 33: Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	79
Bảng 34: Giá trị tài sản Công ty tại ngày 31/03/2022 – Công ty mẹ .....	85
Bảng 35: Giá trị tài sản Công ty tại ngày 31/03/2022 - Hợp nhất.....	86
Bảng 36: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang .....	86
Bảng 37: Các khoản đầu tư tài chính.....	86
Bảng 38: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo công ty mẹ .....	87
Bảng 39: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo hợp nhất .....	87



---

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm.....	8
Biểu đồ 2: Biến động chỉ số CPI qua các năm .....	12
Biểu đồ 3: Cơ cấu tổ chức Công ty.....	29
Biểu đồ 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	32



VI  
S  
D  
N  
0  
1  
0  
C  
O  
N  
G  
T  
Y  
C  
O  
P  
H  
A  
N  
G  
T  
H  
O  
N  
G  
N  
G  
V  
A  
N  
D  
O  
N  
G



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro kinh tế là những rủi ro về sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất...đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro này tác động đến tất các doanh nghiệp trong nền kinh tế với những mức độ ảnh hưởng khác nhau.

##### ❖ *Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

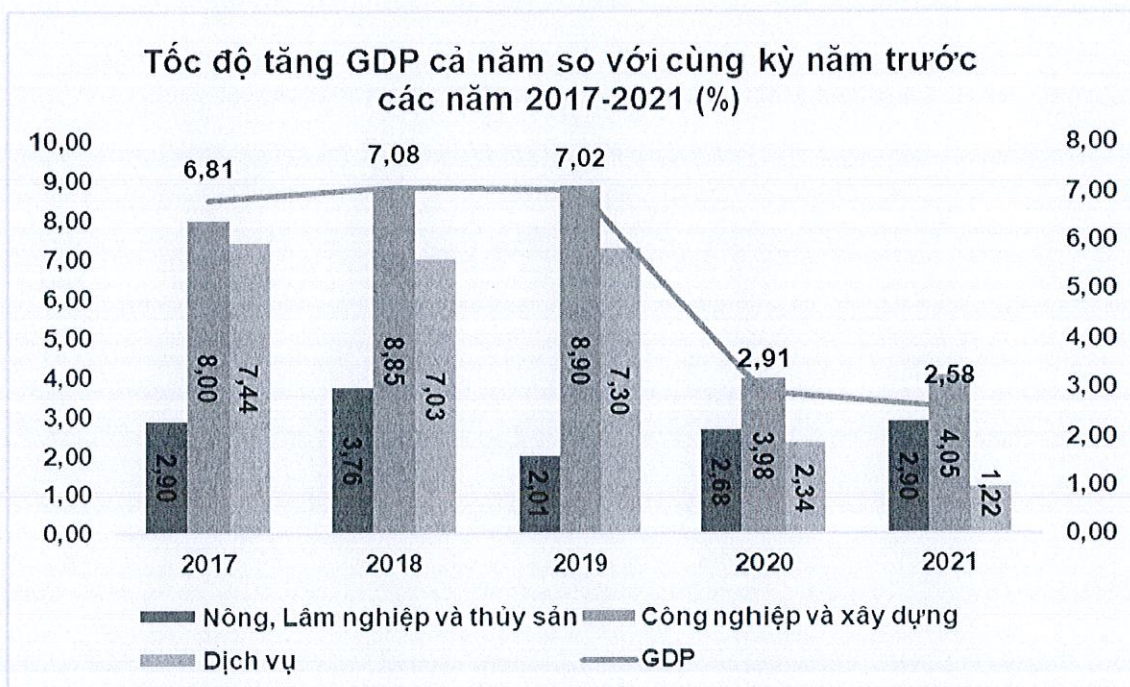
Kinh tế - xã hội nước ta năm 2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động mạnh mẽ và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ - Iran gia tăng, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Hơn nữa, dịch Covid – 19 làm kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều Công ty phải cắt giảm nhân sự do gặp khó khăn về tài chính và không thể tiêu thụ được hàng hóa sản xuất ra.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê (GSO), Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2021 đạt mức 2,58% đưa Việt Nam trở thành 1 trong số ít các nền kinh tế có tăng trưởng dương của thế giới năm 2021. Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất – chế biến – tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trước những thuận lợi và khó khăn đan xen, kết quả hoạt động năm 2021 của ngành nông nghiệp đã thể hiện rõ vai trò bệ đỡ của nền kinh tế, tăng 3,18%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành lâm nghiệp tăng 3,88%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm và ngành thủy sản tăng 1,73%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm. Về sử dụng GDP năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 2,09% so với năm 2020; tích lũy tài sản tăng 3,96%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,01%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,16%. Kinh tế – xã hội nước ta 3 tháng đầu năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu bắt đầu được khơi thông. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu. Giá các loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng mạnh nhất kể từ năm 2011,



tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu. Nhưng với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới, đồng thời đạt được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội XIII đã giúp cho Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2022 của Việt Nam ước tính tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,72% của quý I năm 2021 và 3,66% của quý I năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,85% của quý I năm 2019. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,45%, đóng góp 5,76% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,38%, đóng góp 51,08%; khu vực dịch vụ tăng 4,58%, đóng góp 43,16%.

**Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đặt ưu tiên hàng đầu việc phòng chống và dập dịch, hy sinh lợi ích kinh tế để bảo đảm tính mạng và sức khỏe của người dân. Đây chính là nền tảng vững chắc để nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm. Kết quả trên cho thấy thắng lợi của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong cuộc chiến đẩy lùi dịch bệnh, đồng thời vẫn duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và từng bước đưa nền kinh tế trở lại trạng thái bình thường như trước khi xảy ra dịch bệnh. Nền kinh tế toàn cầu đã có dấu hiệu hồi phục với sự đóng góp từ vaccine Covid-



19, tuy nhiên vẫn tập trung ở một số nước lớn, vẫn còn chứa nhiều rủi ro tiềm ẩn và thiếu sự đồng đều giữa các quốc gia. Việt Nam cũng đang gặp nhiều rủi ro và thách thức, sự tái bùng phát của Covid-19 tại nhiều nước đã kéo dài thời gian đứt gãy của chuỗi cung ứng trong năm 2021 khiến sức chịu đựng của doanh nghiệp ngày càng kém. Theo dự báo của VEPR, kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng trong khoảng 6,0 – 6,3%

Công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt những năm qua biến động không ngừng và mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong tương lai nhưng vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn và có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới nhu cầu của người tiêu dùng, qua đó tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, hàng tồn kho, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Công ty.

#### ❖ *Chính sách tiền tệ*

Khép lại năm 2019, chính sách tiền tệ đã về đích với nhiều điểm sáng đáng ghi nhận. Tuy nhiên, để thúc đẩy tăng trưởng bền vững, thực sự tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh trong năm 2019, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Việc Ngân hàng Nhà nước lần đầu tiên giảm lãi suất điều hành kể từ năm 2017 đã trở thành điểm nhấn trong điều hành chính sách tiền tệ năm vừa qua. Trong năm 2020, NHNN đã điều chỉnh giảm 1,5 – 2%/năm lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp; giảm 0,6-1%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân. NHNN điều hành tín dụng linh hoạt, an toàn, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận vốn tín dụng đối với doanh nghiệp, người dân; kiểm soát chặt chẽ tín dụng với những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro... từ đó kiểm soát tiền tệ và lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng bền vững. Trong bối cảnh đại dịch Covid – 19, với các biện pháp hỗ trợ, các chương trình tín dụng chính sách, cho vay hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ dịch bệnh đã được NHNN chỉ đạo kịp thời. Nhờ đó, mặc dù cầu tín dụng suy giảm nghiêm trọng do tác động của dịch Covid-19.



Điểm nhấn trong điều hành lãi suất năm 2021 là việc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND là 0,5%/năm, lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND là 0%/năm, với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ là 0%/năm.

Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên khắp thế giới cũng như tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, kiểm soát lạm phát, đảm bảo thanh khoản cho nền kinh tế, hỗ trợ tăng trưởng.

Về điều hành tỷ giá, NHNN tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, công bố tỷ giá trung tâm biến động, phù hợp diễn biến thị trường trong và ngoài nước, cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ. Thị trường ngoại tệ ổn định, thanh khoản thông suốt, các nhu cầu ngoại lệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Bước sang năm 2022, NHNN chủ trương điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu năm 2022 bình quân khoảng 4%, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế. Năm 2022, định hướng tín dụng tăng khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Thực hiện hiệu quả công tác cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng theo “Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó tập trung xử lý các TCTD yếu kém;

Quý I/2022, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, NHNN tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và phát triển. Tính đến ngày 21/3/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,49% so với cuối năm 2021; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 2,15%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 4,03%. Bên cạnh đó, các số liệu thống kê cũng đã minh chứng rõ sự hiệu quả trong điều hành chính sách tiền tệ của NHNN khi mà trong quý I vừa qua, lạm phát cơ bản bình quân tăng 0,81% so với bình quân cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,92%). Trong khi chính sách tiền tệ cũng góp phần tích cực giúp GDP quý I tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,72% của quý I năm 2021 và 3,66% của quý I năm 2020.



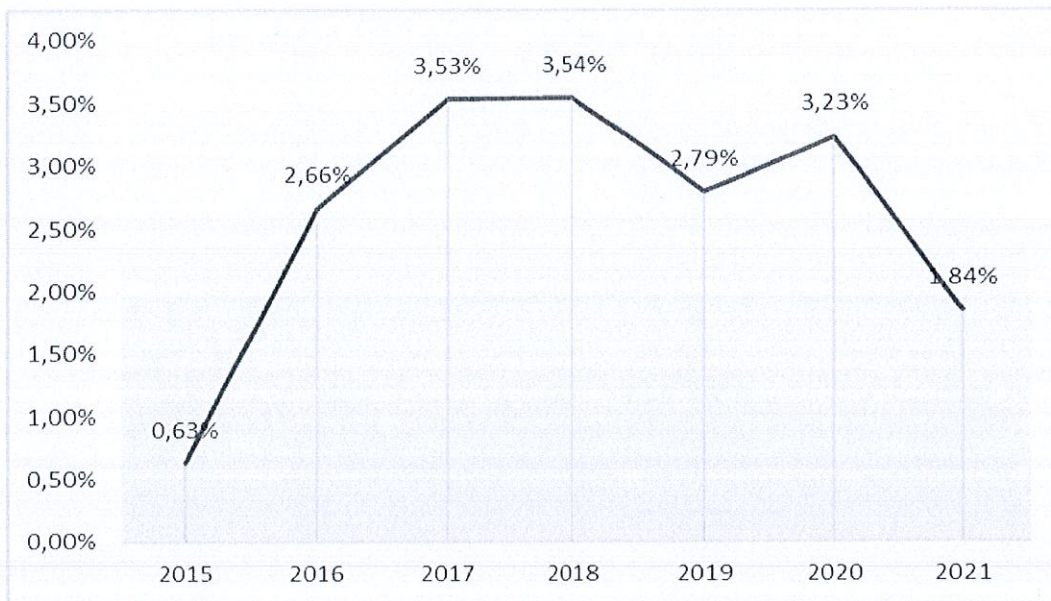
CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%. Chỉ số CPI bình quân năm 2020 tăng là do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá các mặt hàng lương thực tăng so với năm trước; giá cả mặt hàng thực phẩm tăng; giá thuốc và thiết bị y tế tăng do dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp, Chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng do tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP. Bình quân 6 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Công ty luôn tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện, thời hạn thanh toán các hợp đồng với đối tác để hạn chế thấp nhất rủi ro trong chính sách tiền tệ, tránh các rủi ro về tỷ giá.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,18% so với tháng trước, trong đó: 4 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm và 7 nhóm có chỉ số giá tăng, trong đó nhóm giao thông có mức giảm nhiều nhất với 1,71%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép có mức tăng cao nhất với 1,71%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép có mức tăng cao nhất với 0,22%. Quý 4/2021, CPI giảm 0,38% so với quý trước và tăng 1,89% so với cùng kỳ năm 2020. Bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng bình quân thấp nhất kể từ năm 2016. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên là do: giá các mặt hàng thực phẩm năm 2021 giảm 0,54% so với năm 2020, làm CPI giảm 0,12 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn giảm 10,52%; giá thịt gà giảm 0,28%. Cộng với ảnh hưởng của dịch COVID-19 khiến người dân hạn chế đi lại, theo đó giá vé máy bay năm 2021 giảm 21,15% so với năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 2,32%. Thêm nữa, Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch COVID-19, trong đó gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II (bắt đầu giảm từ tháng 5/2020), quý IV năm 2020 (được thực hiện vào tháng 1/2021) và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại kỳ hóa đơn tháng 8, tháng 9/2021. Do đó, giá điện sinh hoạt bình quân năm 2021 giảm 0,89% so với năm 2020, tác động làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm. Đặc biệt, trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành các cấp đã tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường.



Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020. Chính phủ triển khai hàng loạt các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch COVID-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng nên giá điện sinh hoạt giảm 0,99%; các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và ổn định thị trường.

**Biểu đồ 2: Biến động chỉ số CPI qua các năm**



Nguồn: Tổng cục thống kê

#### ❖ **Lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất. Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. NHNN đã liên tiếp 03 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất với tổng mức giảm 1,5-2,0%/năm đối với lãi suất điều hành, giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên (hiện ở mức 4,5%/năm), sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho TCTD, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp hơn, qua đó có điều kiện giảm lãi



suất cho vay để hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất - kinh doanh. Mặt bằng lãi suất cho vay đã giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020 và xu hướng giảm lãi suất này vẫn tiếp tục trong hơn nửa năm 2021 với mức giảm khoảng 0,55%/năm (tổng cộng giảm 1,55%/năm so với trước dịch).

Trái ngược với những năm trước, lãi suất năm 2020 có xu hướng đi ngang và giảm dần về cuối năm. Đây là tình huống trước nay chưa hề có, thế nhưng nó lại phù hợp với xu hướng điều phối dòng vốn của Ngân hàng Nhà nước và nới lỏng chính sách tiền tệ của các nước trên thế giới. Trong năm, NHNN đã điều chỉnh giảm 1,5 – 2%/năm lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp; giảm 0,6-1%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân. NHNN điều hành tín dụng linh hoạt, an toàn, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận vốn tín dụng đối với doanh nghiệp, người dân; kiểm soát chặt chẽ tín dụng với những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro... từ đó kiểm soát tiền tệ và lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng bền vững. Trong bối cảnh đại dịch Covid – 19, với các biện pháp hỗ trợ, các chương trình tín dụng chính sách, cho vay hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ dịch bệnh đã được NHNN chỉ đạo kịp thời. Nhờ đó, mặc dù cầu tín dụng suy giảm nghiêm trọng do tác động của dịch Covid-19.

Khi dịch COVID-19 tái bùng phát lần thứ 4 với diễn biến nặng và kéo dài hơn, NHNN đã nhanh chóng phát tín hiệu kéo dài thời gian cơ cấu nợ thêm 6 tháng, tức là thay vì thời điểm 31/12/2021 sẽ được lùi đến 30/06/2022 việc miễn, giảm lãi, phí cũng được gia hạn tương tự, nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Vào 07/09/2021, NHNN ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN chỉ đạo các tổ chức tín dụng gia hạn nghĩa vụ trả nợ để hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Cụ thể, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng sẽ được thực hiện đến 30/6/2022. Kéo dài thêm nửa năm so với thời hạn quy định tại thông tư 01/2020/ TT-NHNN. Việc thực hiện miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID - 19 theo thông tư mới cũng kéo dài đến hết 10/06/2022. Ngoài ra, các ngân hàng thương mại đang lên kế hoạch cho gói bù lãi suất 3.000 tỷ đồng, tương đương với hơn 100.000 tỷ đồng dư nợ với lãi suất 3-4%/năm nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng bởi đại dịch



Covid phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước đó, NHNN đã ban hành quyết định mới 1349/QĐ-NHNN ngày 28/8/2021 thay thế quyết định cũ 1249/QĐ-NHNN ngày 6/8/2020. Theo quyết định mới, lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng Việt Nam đồng và bằng ngoại tệ sẽ được giữ nguyên, lần lượt ở mức 0,5% và 0%/năm. Lãi suất dự trữ vượt mức bằng Việt Nam đồng sẽ giữ nguyên ở mức 0%/năm trong khi lãi suất vượt mức bằng ngoại tệ giảm xuống 0%/năm từ mức 0,05%/năm trong quyết định trước đó. Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách xã hội cho các doanh nghiệp vay lãi suất 0% với gói vay trị giá 16.200 tỉ đồng để trả lương cho người lao động tại doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi làn sóng COVID lần thứ 4 từ 01/05/2021 tới 31/03/2022. Theo NHNN, tăng trưởng tín dụng của Việt Nam tính đến cuối tháng 8/2021 tăng 7,4% so với cuối năm 2020 (so với mức 6,4% vào cuối tháng 6/2021). Theo Tổng cục Thống kê, tổng số tiền các tổ chức tín dụng miễn giảm, giảm lãi từ 23/1/2020 đến 31/8/2021 là khoảng 26 nghìn tỷ đồng, trong đó số lãi được miễn, giảm từ 15/7/2021 đến 31/8/2021 là 8.865 tỷ đồng, chiếm 43,0% số cam kết của các ngân hàng.

Với đặc thù lĩnh vực kinh doanh là ngành Logistics, nhu cầu về vốn của Công ty là tương đối lớn, ngoài ra Công ty còn đang tiến hành đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để mở rộng kinh doanh do vậy biến động của lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nếu lãi suất tăng cao sẽ làm chi phí lãi vay tăng thêm, Công ty khó cân đối được các khoản tài chính. Theo báo cáo hợp nhất 2021, dư nợ tại ngày 31/12/2021, Công ty đã ghi nhận khoản vay ngắn hạn nhiều nhất từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền 134,8 tỷ đồng, lãi suất 7% - 7,5%/năm và vay ít nhất từ Ngân hàng Shinhan bank với số tiền 17,9 tỷ đồng lãi suất 6,5%/năm.

## **2. Rủi ro về pháp luật**

Tại thời điểm hiện nay còn rất doanh nghiệp Việt Nam còn chưa nắm rõ về luật pháp, đặc biệt là các điều ước và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, hệ thống luật pháp trong nước cũng chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện, việc thực hiện chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là sự thay đổi các quy định, chính sách.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Đầu tư... Tuy nhiên, Luật pháp và các văn bản có liên quan, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh



doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như ký kết hợp đồng với các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, Công ty đã và đang thực hiện các chương trình đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật để phục vụ cho Công ty.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### ❖ *Rủi ro đặc thù ngành*

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải đa phương thức nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại với các nước, triển khai các hiệp định thương mại đa phương và song phương sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam có thêm điều kiện mở rộng thị trường xuất nhập khẩu là cơ hội cho các doanh nghiệp Logistics phát triển doanh thu và hệ thống khách hàng của mình. Tuy nhiên, khi ngành xuất nhập khẩu đình trệ, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu gặp khó khăn trong việc bán hàng cũng như phát triển thị trường thì nhu cầu về vận tải đa phương thức sẽ bị giảm xuống và điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

VNT hoạt động trong lĩnh vực Logistics, doanh thu chủ yếu đến từ dịch vụ vận tải bằng đường hàng không và đường biển nên có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vận tải qua đường hàng không tuy tiết kiệm về thời gian nhưng lại rất dễ bị tác động bởi thời tiết, thời tiết xấu khiến máy bay không thể cất cánh dẫn đến chậm trễ trong việc giao nhận hàng hóa. Hay những trục trặc nhỏ trên máy bay có thể mang đến nhiều vấn đề lớn hoặc có thể phát sinh thêm thời gian vận chuyển trong nhiều trường hợp...

Còn đối với vận tải bằng đường biển có thể gặp những rủi ro sau:

- *Rủi ro do thiên tai:* Do ảnh hưởng của thời tiết, bão lốc, sóng thần, biển động...
- *Rủi ro do tai nạn:* Thường là các loại tai nạn va chạm, mắc cạn, tàu chìm...
- *Rủi ro do con người:* Thuộc các trường hợp cướp biển, chiến tranh, bắt giữ...

#### ❖ *Rủi ro hoạt động của Công ty*



Với đặc điểm doanh thu kinh doanh vận tải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty, nên sự biến động giá xăng dầu trên thị trường có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty vì các phương tiện vận chuyển tiêu tốn khá nhiều nhiên liệu. Ngoài ra, các chính sách quản lý của Nhà nước cho hoạt động này vẫn chưa tạo ra một cơ chế thị trường thật sự hợp lý, minh bạch, do vậy Công ty vẫn bị phụ thuộc vào các chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước. Chính vì các rủi ro trên, ngay từ lúc này Công ty đã và đang tập trung kiểm soát chi phí, đẩy mạnh đổi mới hoạt động, tăng cường chất lượng dịch vụ, mở rộng phát triển mạng lưới kinh doanh để đạt lợi nhuận cao.

#### **4. Rủi ro đối với trái phiếu niêm yết**

##### ***a. Đối với trái phiếu niêm yết***

Trái phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng với các khoản nợ khác. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở hữu Trái phiếu có thể được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và một số khoản nợ không có bảo đảm khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

Do đó, trong trường hợp Công ty phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở hữu Trái phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và một số chủ nợ không có bảo đảm khác của Công ty. Trái phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên trước Trái Phiếu mà Công ty có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

##### ***b. Tính thanh khoản của Trái phiếu trên thị trường thứ cấp***

Không có gì bảo đảm về tính thanh khoản của Trái phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái phiếu sẽ phát triển. Giá thiết có thị trường giao dịch cho Trái phiếu thì Trái phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của Công ty và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

##### ***c. Phát hành thêm chứng khoán***

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) hoặc phục vụ nhu cầu mở



rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm Công ty có quyền huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

## 5. Rủi ro pha loãng

Rủi ro pha loãng xuất hiện khi các trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu vào thời điểm chuyển đổi, dẫn tới tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các cổ đông hiện thời có thể bị suy giảm. Số lượng cổ phiếu tăng thêm từ chuyển đổi trái phiếu sẽ dẫn tới chỉ tiêu EPS (thu nhập trên cổ phiếu) bị giảm do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân tăng lên.

Tại thời điểm chuyển đổi, việc phát sinh tăng thêm một lượng lớn cổ phiếu cũng sẽ làm cho chỉ số EPS thay đổi. Nhà đầu tư có thể tham khảo các tính EPS sau:

\* Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông}}{\text{Số bình quân gia quyền của cổ phiếu lưu hành trong kỳ}}$$

Trên thực tế sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS. Vì vậy nhà đầu tư cần đánh giá một cách cẩn trọng vấn đề này.

Số cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) là **11.893.605** cổ phần. Số cổ phần tại thời điểm chuyển đổi dự kiến tăng thêm 8.000.000 cổ phần tương đương, tăng tương ứng 67,26% so với số cổ phần hiện tại.

Việc phát hành thêm một khối lượng cổ phần như trên sẽ dẫn đến điều chỉnh giảm của giá cổ phần do tác động pha loãng. Tại thời điểm chuyển đổi, Giá cổ phiếu có thể bị điều chỉnh giảm như sau:

 01  
 Ô N  
 CỐ  
 NH  
 OAI  
 G D



$$P = \frac{Pt-1 + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{50.000 + (67,26\% \times 15.000)}{1 + 67,26\%} = 35.925 \text{ VNĐ/CP}$$

Trong đó:

P : Giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng

Pt-1 : Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (giả định giá thị trường trước khi chuyển đổi dự kiến là 50.000 đồng/cổ phần)

I : Tỷ lệ tăng vốn

PR : Giá cổ phiếu bán cho người nắm giữ Trái phiếu tại thời điểm chuyển đổi (quy ra từ tỷ lệ chuyển đổi)

Trong thời gian Trái phiếu chuyển đổi có hiệu lực, khi chưa đến hạn chuyển đổi nếu Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu hoặc phát hành thêm trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và/hoặc phát hành cho các đối tượng khác sẽ làm cho tỷ lệ sở hữu của người mua trái phiếu khi chuyển đổi bị giảm xuống.

#### **6. Rủi ro quản trị Công ty (Sau khi chuyển đổi thành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)**

Bao gồm toàn bộ các yếu tố có khả năng làm cho doanh nghiệp chịu thiệt hại về mặt lợi ích. Các yếu tố có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, nhân sự, năng suất hoạt động sản xuất kinh doanh, thương hiệu... Các rủi ro chủ quan chủ yếu là do con người tạo nên, phát sinh từ sai lầm của các cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động. Ngược lại, các sự kiện bất khả kháng, sự thay đổi đột ngột của các văn bản luật, biến động thị trường... là các rủi ro khách quan, vượt khỏi tầm kiểm soát của con người. Vì thế, VNT phải có đủ khả năng phân tích, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro này để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình hoạt động, để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra về mặt quản trị, Công ty luôn có kế hoạch rà soát lại các chính sách, quy trình nội bộ, thủ tục nghiệp vụ để đảm bảo rằng mọi quyết định, hoạt động của cấp quản lý luôn chính xác và mang lại sự phát triển cho Công ty. Các cán bộ quản lý cấp cao chịu trách nhiệm giám sát và kiểm tra trực tiếp hoạt động của các cán bộ quản lý cấp thấp hơn nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Ban kiểm soát của

352  
 IG  
 PH  
 AN V  
 THU  
 A-T



Công ty có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các quy định pháp lý của mỗi bộ phận và khối nghiệp vụ. Bên cạnh đó, để đảm bảo luôn cập nhật nhanh, đúng và đầy đủ các văn bản pháp luật, Ban lãnh đạo Công ty tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, đồng thời hợp tác với các đơn vị tư vấn có uy tín trên thị trường để hỗ trợ cấp lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến sự phát triển của Công ty.

Sau khi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, cơ cấu cổ đông có sự thay đổi nhưng không ảnh hưởng lớn đến cơ cấu quản trị và điều hành của Công ty. Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án phát hành khả thi và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của các cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy có thể khẳng định rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

#### **7. Rủi ro khác**

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, khủng bố... Những loại rủi ro này gây nên tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến lợi ích của các cá nhân, tổ chức là khách hàng của Công ty.

Năm 2020-2021, khi dịch COVID – 19 xảy ra, Công ty đã nhanh chóng thực hiện nghiêm túc các chính sách phòng tránh dịch theo hướng dẫn của Chính phủ, đảm bảo sự an toàn cho cán bộ công nhân viên, duy trì hoạt động liên tục và đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

85  
TY  
IN  
AN  
ON  
P.H



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

#### Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)

Ông: Nguyễn Xuân Giang

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Trần Công Thành

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Trần Thị Kim Ngân

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Bà: Đỗ Thị Thu Hiền

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Đại diện Tổ chức tư vấn:

Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ:

Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

*Quyết định Ủy quyền Số 134/QĐ/FPTS-FHR ngày 21/12/2021 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT là đơn vị tư vấn đã tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 164/2021/FPTS/FCF-HN/VNT với Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do với Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương cung cấp.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

<b>BCTC</b>	: Báo cáo tài chính
<b>BKS</b>	: Ban kiểm soát
<b>BTGD</b>	: Ban Tổng giám đốc
<b>Công ty</b>	: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<b>CTCP</b>	: Công ty Cổ phần
<b>CBCNV</b>	: Cán bộ công nhân viên
<b>Điều lệ Công ty</b>	: Điều lệ CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<b>ĐHĐCĐ</b>	: Đại hội đồng cổ đông
<b>HDQT</b>	: Hội đồng Quản trị
<b>NHNN</b>	: Ngân hàng Nhà nước
<b>NSNN</b>	: Ngân sách Nhà nước
<b>TCPH</b>	: Tổ chức phát hành
<b>Tổ chức chào bán</b>	: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<b>UBCKNN</b>	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
<b>VĐL</b>	: Vốn điều lệ
<b>VNT</b>	: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<b>XNK</b>	: Xuất nhập khẩu



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương:

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
Tên tiếng Anh	:	The Van cargoes and Foreign trade logistics Joint Stock Company
Logo Công ty	:	
Người đại diện	:	Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc
Trụ sở	:	Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 3732 1090
Fax	:	(024) 3732 1083
Website	:	<a href="http://www.vntlogistics.com/">http://www.vntlogistics.com/</a>
Email	:	<a href="mailto:info@vntlogistics.com">info@vntlogistics.com</a>
Vốn điều lệ :	:	
- Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh	:	119.490.050.000 VNĐ (Một trăm mười chín tỷ bốn trăm chín mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp	:	119.490.050.000 VNĐ (Một trăm mười chín tỷ bốn trăm chín mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

**Bảng 1: Các ngành nghề chính của Công ty**

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
		(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)



1	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại
2	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá;
3	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận uỷ thác xuất nhập khẩu;
4	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi
5	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh; - Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu - Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải - Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh
6	5224	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển
7	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng xuất nhập khẩu; - Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước; - Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài; - Đại lý tàu biển. - Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức; - Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
8	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống
9	5320	Chuyển phát Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ chuyển phát trong nước và quốc tế
10	5310	Bưu chính



		Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế
11	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Môi giới hàng hải

### 1.2. Quá trình hình thành phát triển:

- Tháng 06 năm 1996 Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh Vinatrans – một Công ty Giao nhận hàng đầu của Việt nam, đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, thành lập chi nhánh phía bắc mang tên Vinatrans Hà nội.
- Năm 2003 chi nhánh Vinatrans Hà nội tiến hành cổ phần hóa theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM ngày 30/12/2002 của Bộ Thương mại và chuyển thành Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương – tên giao dịch là Vinatrans Hà nội theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002086 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003.
- Năm 2006 Công ty kỷ niệm 10 năm thành lập và vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng do đạt được các thành tích kinh doanh xuất sắc.
- Năm 2009: Ngày 10/7, HNX đã chấp thuận cho **CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (Vinatrans Hà Nội)** được niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán VNT. Ngày giao dịch đầu tiên là 14/8. Số lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu là 5.472.000 cổ phiếu.
- Tháng 05 năm 2011 thay đổi nhận diện thương hiệu từ VINATRANS HA NOI sang VNT Logistics.
- Năm 2015 Công ty phát hành đợt ESOP đầu tiên cho CBCNV, đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 2:1. Tăng vốn chủ sở hữu từ 54.720.000.000 đồng lên 85.852.900.000 đồng.
- Năm 2017 Công ty lại tiếp tục phát hành đợt cổ phiếu ESOP cho CBCNV tăng vốn điều lệ, năm 2017 Công ty cũng kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Công ty với bằng khen của BCT. Tăng vốn chủ sở hữu từ 85.852.900.000 đồng lên 90.114.050.000 đồng.
- Năm 2018 Công ty chuyển đổi thành công trái phiếu chuyển đổi 72 tỷ, tăng vốn điều lệ lên thành 119.490.050.000 đồng.



- Năm 2019 thay đổi nhận diện thương hiệu và logo công ty.

### 1.3. Các thành tích Công ty đạt được:

**Bảng 2: Các thành tích của Công ty**

Năm	Thành tích đạt được
2001	Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” Nhận bằng khen của Bộ Thương Mại
2002	Bằng khen của Bộ Thương Mại Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
2003	Bằng khen của Bộ Thương Mại Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
2004	Bằng khen của Bộ Thương Mại Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
2005	Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
2006	Huân chương lao động hạng 3
2007	Bằng khen của Bộ Thương Mại
2016	Bằng khen của Bộ Công Thương Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
2017	Bằng khen của Bộ Công Thương Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

### 1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

**Bảng 3: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ	Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán



					gần nhất
2004	12.000.000.000		Thành lập Công ty		
2005	24.000.000.000	12.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2005 ngày 05/03/2005;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi năm 2005.</li> </ul>	
2007 (*)	54.720.000.000	30.720.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 70%</li> <li>- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1</li> <li>- Phát hành cho cán bộ công nhân viên có đóng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 26/05/2007;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp</li> </ul>	

(\*): Tại thời điểm tháng 06/2007 khi thực hiện tăng vốn điều lệ, do chưa nắm vững các quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán, Công ty đã không đăng ký phát hành cổ phiếu với UBCKNN và không thực hiện phân phối cổ phiếu theo đúng quy định. Tại văn bản số 01/2007/CV-Vinatrans ngày 20/12/2007 giải trình về đợt phát hành tăng vốn Điều lệ, Công ty đã thừa nhận sai phạm của mình. Đến ngày 2/5/2008, UBCKNN đã có Quyết định số 46/QĐ-TT về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Chứng khoán và Thị trường chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương.



			<p>góp đến sự phát triển của Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cho đổi tác chiến lược của Công ty</li> </ul>	<p>lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi năm 2007.</p>	
2015	85.852.900.000	31.132.900.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP cho cán bộ công nhân viên</li> <li>- Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 01/15 ĐHĐCĐ ngày 15/04/2015 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2015;</li> <li>- Văn bản của UBCKNN số 7112/UBCK-QLPH ngày 24/12/2015</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 04 năm 2015</li> <li>- Đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1: tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu năm trong Nghị quyết ĐHĐCĐ 01/15</li> </ul>	





				nói trên, văn bản số 072015/TB gửi UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn và thủ tục niêm yết bổ sung.	
2017	90.114.050.000	4.261.150.000		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2017/BB-ĐHCĐ ngày 15/04/2017</li> <li>- Văn bản UBCKNN số 349/UBCK-QLCB ngày 15/01/2018</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101352858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/05/2018</li> </ul>	
2018	119.490.050.000	33.637.150.000	Thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ 1:4,08	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 23/04/2018 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên VNT năm 2018.</li> <li>- Văn bản của</li> </ul>	

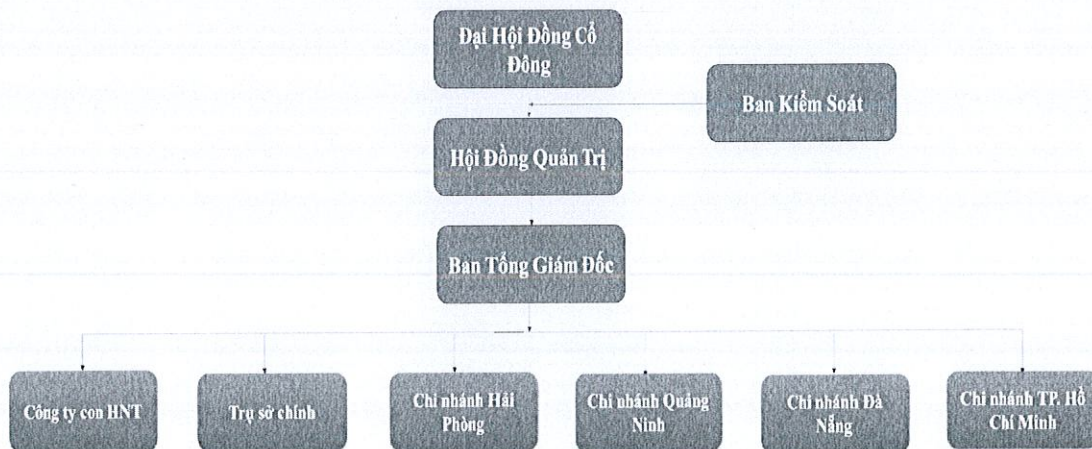


				UBCKNN số 2320/ UBCK-QLPH ngày 05/05/2016 - Văn bản của UBCKNN số 7980/UBCK-QLCB ngày 01/11/2018 chấp thuận Báo cáo chuyển đổi - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101352858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018
--	--	--	--	--

110  
 CÔNG  
 CỔ  
 PHẦN  
 AO N  
 NGO  
 NG

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

**Biểu đồ 3: Cơ cấu tổ chức Công ty**



Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương



**Diễn giải:****Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền, họp mỗi năm ít nhất một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể được gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

**Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty hiện có 08 thành viên và có cơ cấu như sau:

**Bảng 4: Danh sách Hội đồng quản trị Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Công Thành	Thành viên HĐQT
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT
4	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT
6	Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên HĐQT



*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

### **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát của Công ty hiện có 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

**Bảng 5: Danh sách Ban kiểm soát Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Trần Thị Kim Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên Ban Kiểm soát

*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

### **Ban Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và các nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

**Bảng 6: Danh sách Ban Tổng giám đốc Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
2	Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc

2056  
 T Y  
 AN  
 VẬN  
 ƯƠNG  
 TP. H

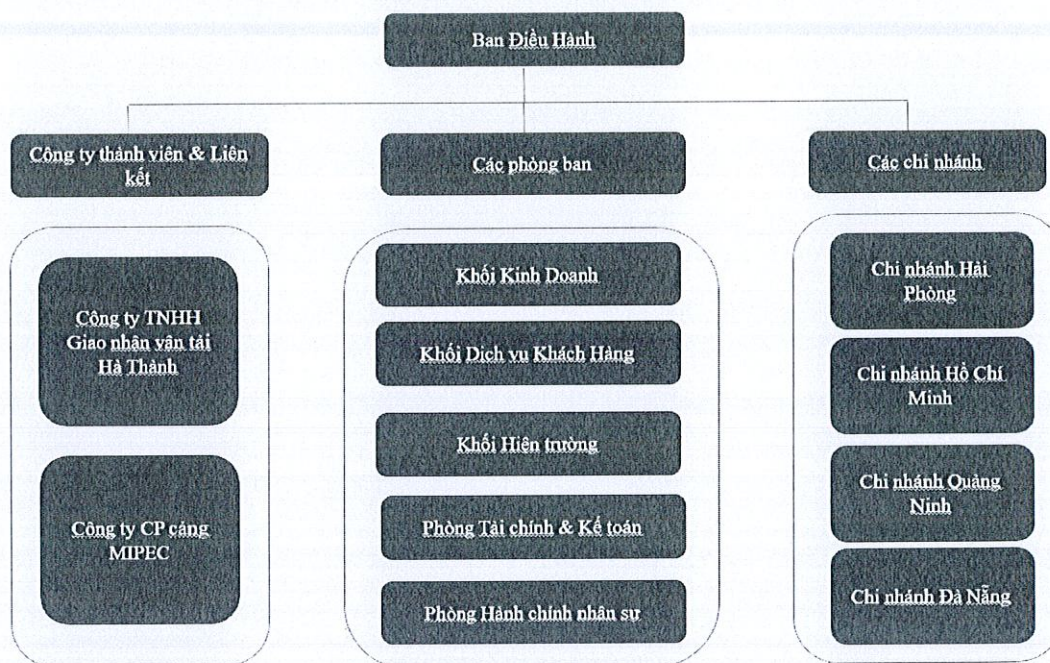


4	Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
---	------------------	-------------------

*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

*Biểu đồ 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty*



*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

#### ❖ **Phòng Tài chính & kế toán (Finance & Accounting Department)**

Phòng Tài chính Kế toán là phòng nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê; Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty:

- Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán...
- Theo dõi phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Công ty dưới mọi hình thái và cố vấn cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan.
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh.
- Cùng các bộ phận khác tạo nên mạng lưới thông tin quản lý năng động, hữu hiệu.

TÀI  
3  
TÀI



- Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch; Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty và các cổ đông.

❖ **Phòng Hành chính nhân sự (Admin & HR Department)**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, chế độ chính sách thi đua, khen thưởng, kỷ luật; chế độ tiền lương, chính sách; tài chính, tài sản; đối nội, đối ngoại; công tác hành chính, quản trị; văn thư, lưu trữ và các mảng tổng hợp khác. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong Công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế, chế độ chính sách của Công ty.

❖ **Khối kinh doanh (Sale Divisions)**

- Nghiên cứu và xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường, thu hút khách hàng, duy trì và mở rộng mối quan hệ với khách hàng.
- Lên kế hoạch chi tiết về các hoạt động kinh doanh, bao gồm quy trình, tiến độ sản xuất, chất lượng và số lượng nguồn hàng, phân bổ đội nhóm,...
- Thiết lập thông tin, tài liệu, báo giá sản phẩm để làm việc với khách hàng.
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới cho phù hợp với xu thế và nhu cầu thị trường.
- Đề xuất với phòng marketing các chiến lược và giải pháp giúp tăng cường hiệu quả kinh doanh.
- Cung cấp các tài liệu về sản phẩm cho Ban Giám đốc.
- Chịu toàn bộ trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của công ty trước Ban Giám đốc.

❖ **Khối chăm sóc khách hàng (Customer Services Divisions)**

- Thực hiện việc ghi nhận và giải quyết những yêu cầu, mong muốn của khách hàng, trả lời các thắc mắc, nghi vấn về vấn đề khách hàng đang gặp phải hay những vấn đề khách hàng cần được làm rõ để hiểu hơn. Thực hiện nhiệm vụ chăm sóc khách hàng theo một quy trình chuẩn và chuyên nghiệp nhất.
- Luôn chủ động thăm hỏi, quan tâm đến khách hàng trong quá trình sản phẩm/dịch vụ được họ sử dụng, trải nghiệm bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau như là: nhắn tin, chat qua các trang mạng xã hội facebook, zalo, website hay gọi điện trực tiếp,...
- Tạo dựng một vài kênh nhằm hỗ trợ trong việc tư vấn để các thông tin được khách hàng tiếp nhận một cách nhanh chóng và chính xác nhất về chỉ dẫn sử dụng, giá cả, hậu mãi hay các chế độ bảo hành sản phẩm/dịch vụ,...



- Chịu trách nhiệm tiếp nhận các phản ánh, khiếu nại những vấn đề cần được xử lý cho khách hàng và chuyển vấn đề đó cho những bộ phận liên quan để quản lý và giải quyết.
- Kết nối và phối hợp cùng với phòng ban marketing để tiếp thị, quảng bá về những chương trình ưu đãi hấp dẫn, khuyến mãi, các gói sản phẩm của doanh nghiệp đó đến toàn bộ khách hàng.
- Liên tục theo dõi cũng như cập nhật các chính sách của doanh nghiệp về dịch vụ, sản phẩm theo mỗi thời điểm khác nhau để khách hàng nhận được thông tin nhanh nhất và kịp lúc nhất.
- Cần chủ động trong việc liên hệ đến khách hàng về các vấn đề các chính sách ưu đãi đang được công ty áp dụng hay quà tặng trong các ngày đặc biệt như lễ, tết,...
- Thực hiện cuộc khảo sát đánh giá ý kiến về chất lượng sản phẩm/dịch vụ từ khách hàng và ghi nhận lại các góp ý để sản phẩm/dịch vụ được cải thiện tốt về chất lượng.
- Tạo ra các bảng báo cáo để trình duyệt lên cấp trên về việc khảo sát khách hàng, các sản phẩm/dịch vụ mà công ty cung cấp đem lại mức hài lòng bao nhiêu?

#### ❖ **Khởi hiện trường ( Operation Divisions)**

- Nhận bộ hồ sơ đầy đủ từ nhân viên chứng từ, xuất trình chứng từ với cơ quan Hải quan, làm Hải quan chuyển tiếp.
- Làm thủ tục hải quan liên quan đến lô hàng xuất thuộc các loại hình, mở tờ khai Hải quan xuất
- Chuẩn bị giấy tờ “phiếu cân, tờ khai” để nhận hàng ở cảng Nội Bài sau đó đi cân hàng đảm bảo được giờ chót của từng lô hàng.
- Khai hệ thống cho từng chuyến bay theo yêu cầu của từng hãng bay.
- Giao nhận chứng từ với khách hàng

#### **4. Danh sách cổ đông**

##### ❖ **Danh sách các cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty**

STT	Cổ đông	Số Giấy ĐKKD	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	CTCP Vinafreight	4103000781	A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	2.961.500	24,90%
2	CTCP VNT Holdings	106919957	Ngách 34, ngõ Thịnh Quang, phố Tây Sơn,P. Thịnh Quang,Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội	2.778.000	23,36%



3	Lionas Fund Co.,LTD	2707300027	1F Hakozaiki NSO Build, 20-1 Hakozaiki-machi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo, Nhật Bản	1.713.600	14,41%
4	CTCP Transimex	301874259	Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	2.357.040	19,82%
5	CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	101352858	Số 406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	900	7,57%

Nguồn: DSCĐ Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ngày 25/03/2022

❖ Cơ cấu cổ đông Công ty :

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>119</b>	<b>10.155.000</b>	<b>84,99%</b>
1	Tổ chức	10	9.114.556	76,28%
2	Cá nhân	109	1.040.444	8,71%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>12</b>	<b>1.738.605</b>	<b>14,55%</b>
1	Tổ chức	3	1.715.100	14,35%
2	Cá nhân	9	23.505	0,20%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		<b>55.400</b>	<b>0,46%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>131</b>	<b>11.949.005</b>	<b>100%</b>

Nguồn: DSCĐ Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ngày 25/03/2022

5. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà Tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Tổ chức niêm yết

5.1. Danh sách Công ty mẹ và Công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với Công ty:

Không có

5.2. Danh sách Công ty con, những Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối:

Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội



Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vốn điều lệ đã đăng ký: 12.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 12.000.000.000 đồng

Vốn đăng ký của tổ chức đăng ký niêm yết: 12.000.000.000 đồng

Vốn thực góp của tổ chức đăng ký niêm yết: 12.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của tổ chức đăng ký niêm yết: 100%

### 5.3. Danh sách Công ty liên kết:

#### Công ty Cổ phần Cảng Mippec

Địa chỉ: Bán đảo Đình Vũ, Khu KT Đình Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải

Vốn điều lệ đã đăng ký: 718.750.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 718.750.000.000 đồng

Vốn đăng ký của tổ chức đăng ký niêm yết: 179.687.500.000 đồng

vốn thực góp của tổ chức đăng ký niêm yết: 179.687.500.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của tổ chức đăng ký niêm yết: 25%

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2020,2021 và Quý I/2022 như sau:

**Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ - Công ty mẹ**

Đơn vị tính: đồng

TT	Doanh thu	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch		Quý I/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ trọng % DTT
1	Doanh thu cước vận chuyển hàng không	453.956.435.495	62,86	751.296.972.042	51,43	297.340.536.547	65,50	140.346.021.134	43,77
2	Doanh thu cước vận chuyển đường biển	183.998.607.884	25,48	574.814.640.297	39,35	390.816.032.413	212,40	154.380.192.359	48,14
3	Doanh thu dịch vụ khác	84.258.365.992	11,66	134.568.678.051	9,21	50.310.312.059	59,71	25.933.306.328	8,09
	<b>Tổng</b>	<b>722.213.409.371</b>	<b>100</b>	<b>1.460.680.290.390</b>	<b>100</b>	<b>738.466.881.019</b>	<b>102,25</b>	<b>320.659.519.821</b>	<b>100</b>



Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

**Bảng 8: Cơ cấu Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

TT	Doanh thu	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch		Quý I/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ trọng % DTT
1	Doanh thu cước vận chuyển hàng không	670.844.130.509	54,2	1.216.848.747.912	47,83	546.004.617.403	81,39	205.826.854.925	34,16
2	Doanh thu cước vận chuyển đường biển	275.046.129.073	22,2	1.008.054.049.661	39,62	733.007.920.588	266,50	339.181.164.311	56,29
3	Doanh thu dịch vụ khác	293.079.600.679	23,7	319.443.004.304	12,56	26.363.403.625	9,00	57.509.225.370	9,54
	<b>Tổng</b>	<b>1.238.969.860.261</b>	<b>100</b>	<b>2.544.345.801.877</b>	<b>100</b>	<b>1.305.375.941.616</b>	<b>105,36</b>	<b>602.517.244.606</b>	<b>100</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

Trong năm 2021, doanh thu cước vận chuyển hàng không đạt 1.216 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu với tỷ lệ 47,83%, tăng 81,39% so với năm 2020. Nguyên nhân dẫn đến sự tăng trưởng tích cực này là do các nước đã mở cửa lại nền kinh tế nên việc thúc đẩy giao thương, thương mại với nhau bằng đường hàng không được phục hồi. Doanh thu cước vận chuyển đường biển tăng mạnh với tỷ lệ 266,50% nguyên nhân chủ yếu là do giá cước vận chuyển biển cao cùng sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu tăng mạnh khiến doanh thu mảng này tăng đột biến. Bên cạnh đó, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tăng trưởng mạnh cũng giúp Công ty đạt được doanh thu tích cực. Về doanh thu dịch vụ khác đạt 319 tỷ đồng, tăng 9,00% so với năm 2020. Đến Quý I/2022, doanh thu cước vận chuyển đường biển chiếm tỷ trọng lớn nhất là 56,29% đạt 339 triệu đồng. Tiếp theo là doanh thu cước vận chuyển hàng không và doanh thu dịch vụ khác tương ứng lần lượt là 206 tỷ đồng (34,16%) và 58 tỷ đồng (9,54%).

**Bảng 9: Cơ cấu chi phí qua các năm – Mẹ**

Đơn vị tính: đồng



Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021			Quý I/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng từng CP/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng từng CP/DTT (%)	Tăng/giảm so với 2021 (%)	Giá trị	Tỷ trọng từng CP/DTT (%)
Giá vốn hàng bán	685.810.553.692	94,96	1.386.252.144.157	94,90	102,13	303.868.565.689	94,76
Chi phí tài chính	15.069.000.301	2,09	23.264.615.962	1,59	54,39	4.164.150.332	1,30
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.216.278.163	2,52	25.936.904.615	1,78	42,38	6.569.355.283	2,05
Chi phí khác	340.563.734	0,05	292.166.886	0,02	-14,21	-	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>719.436.395.890</b>	<b>99,62</b>	<b>1.435.745.831.620</b>	<b>98,29</b>	<b>99,57</b>	<b>314.602.071.304</b>	<b>98,11</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021 và Quý I/2022 của VNT

**Bảng 10: Cơ cấu chi phí qua các năm - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021			Quý I/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng từng CP/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng từng CP/DTT (%)	Tăng/giảm so với 2021 (%)	Giá trị	Tỷ trọng từng CP/DTT (%)
Giá vốn hàng bán	1.183.231.595.490	95,50	2.444.956.677.996	96,09	106,63	575.602.087.933	95,53
Chi phí tài chính	17.294.126.063	1,40	26.740.303.922	1,05	54,62	4.929.879.510	0,82
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.638.668.821	2,39	39.557.593.787	1,55	33,47	10.557.631.065	1,75
Chi phí khác	362.090.533	0,03	505.511.198	0,02	39,61	-	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.230.526.480.907</b>	<b>99,32</b>	<b>2.511.760.086.903</b>	<b>98,72</b>	<b>104,12</b>	<b>591.089.598.508</b>	<b>98,10</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 và quý I/2022 của VNT

**Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm – Công ty mẹ**

Đơn vị tính: đồng

TT	Lợi nhuận gộp	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch		Quý I/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng từng LNG/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng từng LNG/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ trọng từng LNG/DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp cước vận chuyển hàng không	15.289.199.385	2,12	28.401.184.292	1,94	13111984907	85,76	3.852.709.227	1,20
2	Lợi nhuận gộp cước vận chuyển đường biển	12.740.999.488	1,76	29.932.861.079	2,05	17191861591	134,93	12.495.651.643	3,90
3	Lợi nhuận gộp dịch vụ khác	8.372.656.806	1,16	16.094.100.862	1,10	7721444056	92,22	442.593.262	0,14
	<b>Tổng Lợi nhuận gộp</b>	<b>36.402.855.679</b>	<b>5,04</b>	<b>74.428.146.233</b>	<b>5,10</b>	<b>38.025.290.554</b>	<b>104,46</b>	<b>16.790.954.132</b>	<b>5,24</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

**Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng



TT	Lợi nhuận gộp	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch		Quý I/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng từng LNG/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng từng LNG/DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ trọng từng LNG/DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp cước vận chuyển hàng không	20.065.775.318	1,62	38.056.449.139	1,50	17.990.673.821	89,66	9.343.770.622	1,55
2	Lợi nhuận gộp cước vận chuyển đường biển	22.295.305.908	1,80	41.512.026.562	1,63	19.216.720.654	86,19	16.281.769.846	2,70
3	Lợi nhuận gộp dịch vụ khác	13.377.183.545	1,08	19.820.648.180	0,78	6.443.464.635	48,17	1.289.616.205	0,21
	<b>Tổng Lợi nhuận gộp</b>	<b>55.738.264.771</b>	<b>4,50</b>	<b>99.389.123.881</b>	<b>3,91</b>	<b>43.650.859.110</b>	<b>78,31</b>	<b>26.915.156.673</b>	<b>4,47</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

Năm 2021 toàn thế giới và cả nước bị ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid – 19. Mặc dù chịu ảnh hưởng không nhỏ từ tình hình dịch bệnh chung, các bộ phận và cán bộ nhân viên Công ty đã không ngừng nỗ lực vừa chống dịch vừa hoàn thành tốt công việc được giao phó đem lại kết quả kinh doanh tích cực cho Công ty. Cụ thể trong năm 2021, lợi nhuận gộp cước vận chuyển hàng không tăng 18 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 89,66%. Nguyên nhân là bởi doanh thu cước vận chuyển hàng không tăng khá mạnh do được hưởng lợi từ việc mở cửa giao thương giữa các nước trong khu vực và quốc tế. Mặc dù chi phí cước vận chuyển đường biển tăng do giá cước tàu biển tăng cao nhưng nhờ có quan hệ đã thiết lập trong nhiều năm nên lợi nhuận gộp cước vận chuyển đường biển vẫn tăng khá mạnh với tỷ lệ 86,19% so với năm 2020. Bên cạnh đó, lợi nhuận gộp dịch vụ khác cũng tăng khá đáng kể với tỷ lệ 48,17% trong khi tỷ trọng chỉ chiếm 0,78% trong Doanh thu thuần cho thấy Công ty đã ngày càng chú trọng phát triển thêm vào các mảng lĩnh vực kinh doanh khác của mình. Đến Quý I/2022, lợi nhuận gộp cước vận chuyển đường hàng biển chiếm tỷ trọng lớn nhất trong Doanh thu thuần là 2,70% đạt 16 tỷ đồng. Tiếp theo là lợi nhuận gộp cước vận chuyển hàng không và lợi nhuận gộp dịch vụ khác tương ứng lần lượt là 9 tỷ đồng (1,55%) và 2 tỷ đồng (0,21%).

## **6.2. Nguồn nguyên vật liệu**

### **6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp này**

Các nhà cung cấp dịch vụ đầu vào Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thực hiện các hợp đồng giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước theo đơn đặt hàng/ hợp đồng của khách hàng. Hiện nay Công ty đang là đối tác của các nhà cung cấp dịch vụ vận tải lớn trên thế giới như:



- Hàng không: Đại lý bán cước và hợp đồng vận chuyển với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới như: Singapore Airlines, Vietnam Airlines, Eva Airways, Thai Airways, British Airways, Brunei Airways và China Airlines...

- Đường biển: Hiện tại VNT đang có hợp đồng dài hạn với các hãng tàu và hãng giao nhận lớn của thế giới như RCL, Rickmer...

### **6.2.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận**

Là đối tác tin cậy của các hãng hàng không, các đại lý tàu biển lớn trên thế giới, với phương thức hoạt động rất chuyên nghiệp, VNT luôn tự tin với nguồn cung cấp dịch vụ của mình. Mọi hoạt động, dự án hợp tác đều được chuẩn bị kỹ lưỡng kèm theo các hợp đồng ký kết.

Hơn nữa nhằm đảm bảo nguồn cung cấp dịch vụ một cách an toàn cũng như đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp đến khách hàng, VNT luôn thực hiện kiểm soát quá trình mua/ thuê dịch vụ và đánh giá năng lực nguồn cung ứng. Công ty sẽ gửi yêu cầu kiểm tra về dịch vụ, thiết bị cơ sở của người cung ứng và cử người đến nơi tiến hành kiểm tra.

Với đặc thù của hoạt động cung cấp dịch vụ đại lý đường không, đường biển, đại lý giao nhận, vận tải nội địa, doanh thu và lợi nhuận của Công ty chịu ảnh hưởng của những biến động về giá cả dịch vụ đầu vào từ các nhà cung cấp dịch vụ vận tải trong và ngoài nước. Tuy nhiên, do Công ty là đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý vận tải, nên giá cả dịch vụ đầu vào cũng biến động tăng/giảm tương ứng với giá cả dịch vụ đầu ra, do vậy doanh thu và lợi nhuận của Công ty không chịu ảnh hưởng nhiều từ những biến động giá cả dịch vụ đầu vào.

### **6.3. Trình độ công nghệ**

Hệ thống phương tiện và trang thiết bị của VNT hiện tại bao gồm: 50 xe đầu kéo và 20 chiếc xe tải lớn nhỏ, chuyên chở trung bình 5000 containers mỗi tháng. Cảng biển của VNT Logistics nằm trong Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng. Tên chính thức của Cảng là MPC Port (Công ty cổ phần cảng Mipeco). Tổng diện tích là 23ha, gồm 2 bến cảng có chiều dài bến đạt 380m, độ sâu trước bến -11m, đủ khả năng đón tàu 40.000 DWT. Vòng quay trở của MPC port là 360m, giúp tàu cập và rời cảng thuận lợi, an toàn. Khu vực làm hàng tại cảng có diện tích lên tới 17ha, công suất tối đa chứa được 15.600 Teus hàng hóa. Trong đó, dành riêng 2ha làm khu vực làm hàng container lạnh, với 432 ổ cắm điện



đủ đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Để đáp ứng cho yêu cầu nghiệp vụ của một đơn vị dịch vụ giao nhận quốc tế, Công ty đã chú trọng tập trung đầu tư nâng cấp mới cho hệ thống phần mềm, mạng vi tính. Trong các năm qua, Công ty đã đầu tư 1 xây dựng hệ thống mạng vi tính quốc tế đưa hệ thống mạng vi tính, mạng mail online và kết nối dữ liệu trực tuyến Internet vào hoạt động có hiệu quả đáp ứng tốt cho yêu cầu hội nhập.

Hiệu quả của việc đầu tư đã giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và năng suất lao động, nghiệp vụ kinh doanh được thực hiện với độ chính xác cao và đảm bảo thời gian theo yêu cầu quốc tế, giúp sản lượng tăng hàng năm.

#### **6.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Công ty cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương là một trong những đơn vị giao nhận vận tải hàng đầu của cả nước, ngày một khẳng định uy tín đối với khách hàng trong nước và quốc tế. Bên cạnh những dịch vụ vận tải truyền thống, VNT đang tổ chức, triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, bao gồm:

- Nghiên cứu nhu cầu thị trường, dựa trên năng lực hiện tại và khả năng phát triển trong tương lai của Công ty, mở rộng hoạt động sang các loại hình kinh doanh mới như cung cấp dịch vụ đường sắt với Trung Quốc, giao nhận phân phối, đại lý hàng quá cảnh đi nước thứ 3...
- Đầu tư và phát triển hệ thống kho bãi, cầu cảng tại khu vực Cảng Hải phòng, Cái Lân. Đây là một trong những kho bãi hiện đại nhất quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về giao nhận vận tải và dịch vụ kho bãi.
- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động của tất cả các bộ phận phòng ban, liên tục đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý nhằm tối đa hoá hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản lý.
- Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty tiến hành xây dựng các chương trình đào tạo cụ thể, phù hợp với từng nhân viên đảm bảo công tác này được thực hiện một cách thường xuyên, sát với nhu cầu công việc thực tế. Một số hình thức đào tạo, phát triển đang được áp dụng tại Công ty gồm: đào tạo tại chỗ, cử các nhân viên nghiệp vụ tham dự các khóa huấn luyện ngắn hạn về đại lý giao nhận do VIFFAS, IATA, FIATA tổ chức...

010  
CÔ  
C  
AO M  
NGO  
NG



- rà soát và tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản trị, quản lý nội bộ. Thường xuyên cập nhật các thay đổi và quy định pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty.

#### **6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Ý thức được tầm quan trọng của chất lượng sản phẩm dịch vụ trong điều kiện hoạt động kinh doanh ngày càng cạnh tranh, VNT đã chú trọng quan tâm xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 dựa trên sự hiểu biết và ý thức chấp hành của toàn thể nhân viên trong Công ty. VNT cũng đã xây dựng Sổ tay Chất lượng, trong đó mô tả cấu trúc và những nguyên tắc chung của hệ thống chất lượng, quy trình thực hiện từng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của Công ty với mô tả rõ ràng về chức năng và nhiệm vụ của từng cá nhân, hệ thống biểu mẫu, báo cáo kiểm tra, sổ sách và các báo cáo khác phục vụ cho công tác quản lý và giám sát chất lượng hoạt động kinh doanh của Công ty. Cơ chế quản lý phân quyền được phân cấp chi tiết đến từng bộ phận và cấp bậc, giúp nâng cao hiệu quả quản lý về trách nhiệm công việc đối với từng cá nhân. Thêm vào đó, VNT đã thành lập một Ban Quản lý Chất lượng với 1 Giám đốc Chất lượng (được chỉ định trong Ban Giám đốc) và các thành viên khác. Nhiệm vụ của Ban là theo dõi và báo cáo việc thực hiện và duy trì hệ thống chất lượng đến Ban Giám đốc để xem xét và làm cơ sở để cải tiến hệ thống chất lượng. Công tác quản lý, giám sát và nâng cao hiệu quả trao đổi thông tin còn được hỗ trợ bởi việc áp dụng phần mềm tin học ứng dụng trong một số bộ phận chính như giao nhận vận tải đường biển, hàng không và mạng nội bộ trong toàn bộ Công ty. Với bộ máy và hệ thống quản lý chất lượng như vậy, Ý thức được tầm quan trọng của chất lượng sản phẩm dịch vụ trong điều kiện hoạt động kinh doanh ngày càng cạnh tranh, VNT đã chú trọng quan tâm xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 dựa trên sự hiểu biết và ý thức chấp hành của toàn thể nhân viên trong Công ty. VNT cũng đã xây dựng Sổ tay Chất lượng, trong đó mô tả cấu trúc và những nguyên tắc chung của hệ thống chất lượng, quy trình thực hiện từng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh của Công ty với mô tả rõ ràng về chức năng và nhiệm vụ của từng cá nhân, hệ thống biểu mẫu, báo cáo kiểm tra, sổ sách và các báo cáo khác phục vụ cho công tác quản lý và giám sát chất lượng hoạt động kinh doanh của Công ty. Cơ chế quản lý phân quyền được phân cấp chi tiết đến từng bộ phận và cấp bậc, giúp nâng cao hiệu quả quản lý về



trách nhiệm công việc đối với từng cá nhân. Thêm vào đó, VNT đã thành lập một Ban Quản lý Chất lượng với 1 Giám đốc Chất lượng (được chỉ định trong Ban Giám đốc) và các thành viên khác. Nhiệm vụ của Ban là theo dõi và báo cáo việc thực hiện và duy trì hệ thống chất lượng đến Ban Giám đốc để xem xét và làm cơ sở để cải tiến hệ thống chất lượng. Công tác quản lý, giám sát và nâng cao hiệu quả trao đổi thông tin còn được hỗ trợ bởi việc áp dụng phần mềm tin học ứng dụng trong một số bộ phận chính như giao nhận vận tải đường biển, hàng không và mạng nội bộ trong toàn bộ Công ty. Với bộ máy và hệ thống quản lý chất lượng như vậy, VNT luôn đảm bảo thỏa mãn được mức độ cao nhất những yêu cầu của khách hàng, giảm thiểu sai sót và không ngừng cải tiến chất lượng trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **6.6. Hoạt động Marketing**

Để hoạt động marketing thực sự hiệu quả, VNT đang xây dựng chiến lược đồng bộ về thị trường mục tiêu, giá cả, hỗ trợ quảng cáo... Các hoạt động marketing chính của Công ty bao gồm:

- Thực hiện chính sách tiếp thị thường xuyên, liên tục để duy trì, giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống. Bên cạnh đó phát triển đội ngũ chăm sóc khách hàng với các dịch vụ chất lượng cao để tìm kiếm, mở rộng đối tượng khách hàng mới.
- Giao quyền chủ động cho phòng ban chức năng và các chi nhánh, đơn vị thành viên trong việc xây dựng chính sách giá cả linh hoạt, hợp lý tại các thời điểm khác nhau, có chính sách hoa hồng và cơ chế thưởng xứng đáng cho hệ thống trung gian giới thiệu.
- Công ty áp dụng các chiến lược quảng cáo và hỗ trợ quảng cáo để quảng bá thương hiệu nhằm mục đích đạt được doanh thu dự tính như: xây dựng website của Công ty, thông tin trên các phương tiện đại chúng, đặc biệt là trên các tạp chí trong ngành, quảng bá văn phòng phẩm, tặng phẩm có logo của Công ty cho khách hàng.
- Tham gia các hội nghị, hội thảo ngành nghề của quốc gia, khu vực và quốc tế để cập nhật thông tin về thị trường, các doanh nghiệp cùng ngành, đồng thời đây cũng là cơ hội tốt để Công ty mở rộng mạng lưới bạn hàng và đối tác

#### **6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**



Logo của Công ty:



VNT sẽ cố gắng để trở thành một Công ty hàng đầu trong lĩnh vực Logistics, nâng cao chất lượng dịch vụ để đủ sức cạnh tranh với các Công ty khác cùng ngành, mở rộng thị phần sang các khu vực khác ở trong và ngoài nước, nâng cao vị thế Công ty.

#### 6.8. Các hợp đồng lớn với đối tác đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện nay, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương là đối tác tin cậy với một số khách hàng như sau:

**Bảng 13: Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết**

TT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Loại sản phẩm cung cấp
<b>HỢP ĐỒNG ĐẦU RA</b>					
1	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi	01.2017/VCK-VNT	Nghiệm thu theo thực tế phát sinh	Từ 01/01/2020	Giao nhận vận chuyển xuất khẩu hàng hóa
2	Công ty Cổ phần ACBM Việt Nam	VNT/TP/FCL/250	Nghiệm thu theo thực tế phát sinh	Từ 02/01/2018	Giao nhận vận chuyển hàng hóa
3	Công ty TNHH Giao nhận quốc tế ABK ViNa	2002/VNT-ABK	Nghiệm thu theo thực tế phát sinh	Từ 15/05/2015	Vận chuyển hàng hóa
4	Công ty TNHH Hanjin Global Logistics Việt Nam	201614/HGL V-VNT	Nghiệm thu theo thực tế phát sinh	Từ 26/09/2016	Vận chuyển hàng hóa
<b>HỢP ĐỒNG ĐẦU VÀO</b>					
1	Tổng Công ty hàng không Việt Nam – Công ty	11-20HHQ/VNA/VNT	VND 3.000.000.000	01/07/2020 đến 30/06/2022	Vận chuyển hàng hóa



	Cổ phần				
2	Công ty TNHH TM Vận tải Xuyên Đại Thắng	15682019/V NT-XDT	Nghiệm thu theo thực tế phát sinh	Từ ngày 31/12/2019	Vận chuyển hàng hóa nội địa
3	Văn phòng bán vé hãng hàng không Korean Air tại Tp. Hà Nội	HANSU/201 3-36	VND 16.268.000.000	Từ 30/06/2021	Vận chuyển hàng hóa
4	Văn phòng bán vé hãng hàng không Cathay Pacific Airway LTD	CX- VNT/2019	VND 4.700.000.000	Từ 24/12/2018	Vận chuyển hàng hóa
5	Văn phòng bán vé Qatar Airway Group	QTR-CNT- 2019-0425	Nghiệm thu theo thực tế phát sinh	Từ 25/10/2021	Vận chuyển hàng hóa

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

**Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, 2021 và Quý I/2022 - Riêng**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm năm 2021 so với 2020	Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	581.585.717.462	727.746.161.275	25,13%	714.860.850.431
Vốn chủ sở hữu	210.209.933.191	266.573.193.866	26,81%	271.835.824.152
Doanh thu thuần	722.213.409.371	1.460.680.290.390	102,25%	320.659.519.821
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.804.576.068	64.043.207.360	332,59%	7.206.614.639



Lợi nhuận khác	-153.916.026	(21.760.805)	-85,86%	-
Lợi nhuận trước thuế	14.650.660.042	64.021.446.555	336,99%	7.206.614.639
Lợi nhuận sau thuế	13.894.680.519	55.831.283.195	301,82%	5.771.103.573
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức				
(=Cổ tức đã chia/ Lợi nhuận sau thuế)	102,72%	21,30%	-79,26%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	6,61%	20,94%	216,85%	2,12%

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán, tài liệu HDQT trình ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua.

**Bảng 15: Kết quả kinh doanh năm 2020, 2021 và Quý I/2022 - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm năm 2021 so với 2020	Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	641.540.121.222	792.028.101.064	23,46%	736.239.995.390
Vốn chủ sở hữu	186.704.889.020	198.253.423.456	6,19%	197.875.760.992
Doanh thu thuần	1.238.969.860.261	2.544.345.801.877	105,36%	602.517.244.606
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-23.505.044.171	21.328.392.891	-190,74%	2.773.351.941
Lợi nhuận khác	-31.624.747	183.142.209	-679,11%	3.951.835
Lợi nhuận trước thuế	-7.479.321.048	21.145.250.682	-382,72%	2.777.303.776
Lợi nhuận sau thuế	-9.610.363.652	11.016.556.956	-214,63%	130.810.822
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức				
(=Cổ tức đã chia/ Lợi nhuận sau thuế)	-148,51%	107,96%	-172,70%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	-5,15%	5,56%	-207,90%	0,07%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán, tài liệu HDQT trình ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua.



Trong năm 2021, doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty đều tăng trưởng và đạt kết quả kinh doanh khả quan trong mùa dịch Covid đầy khó khăn. Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 21 tỷ đồng tăng mạnh so với năm 2020 với tỷ lệ 214,63%. Nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận khác tăng rất mạnh tương ứng với tỷ lệ 679,11%. Bên cạnh đó, doanh thu thuần tăng 105,36% so với năm 2020 thể hiện Công ty kinh doanh có hiệu quả. Để đạt được những kết quả đáng tích cực đây, Công ty đã chú trọng phát triển dịch vụ logistics ở tất cả các đơn vị kinh doanh, duy trì khách hàng cũ, tìm kiếm và phát triển khách hàng mới được các đơn vị quan tâm, công tác bán hàng được đẩy mạnh. Công ty luôn có những chính sách khuyến khích hoạt động bán hàng trong tất cả các bộ phận. Bên cạnh đó, Công ty đã giám sát và hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Cảng Mippec. Đồng thời, Ban điều hành của Công ty đã thông qua các phương án tăng cường hoạt động kinh doanh hiệu quả như việc vay vốn tại Agribank Chi nhánh Hà Nội; thông qua việc góp vốn đầu tư và thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long 1-2; thông qua việc bán các khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại một số công trình nhằm mục tiêu tái cơ cấu các khoản đầu tư; thông qua việc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Mippec trong đợt phát hành thêm để huy động vốn. Đến Quý I/2022, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt 603 tỷ đồng và 3 tỷ đồng, đây là một dấu hiệu tích cực trong việc kinh doanh của công ty.

## ***7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo***

### ***7.2.1. Nhân tố thuận lợi***

**Năng lực, tài chính mạnh mẽ, khả năng huy động vốn cao:** CTCP Giao nhận Vận tải ngoại thương có nguồn thu đa dạng từ hoạt động kinh doanh của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực vận tải, logistics giúp công ty duy trì khả năng thanh toán tốt.

**Ban lãnh đạo tâm huyết, dày dặn kinh nghiệm:** Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đều là những cá nhân đã gắn bó tâm huyết với sự ra đời và phát triển của công ty và là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực vận tải và kho bãi, logistics, luôn chủ động tìm kiếm cơ hội đầu tư và ngành nghề kinh doanh mang lại lợi thế cạnh tranh cho công ty trong từng giai đoạn phát triển.



**Mạng lưới các chi nhánh được thiết lập rộng khắp:** Trụ sở, các chi nhánh, kho bãi được xây dựng ở những địa bàn thuận lợi cho việc giao dịch với khách hàng, thực hiện thủ tục nhập - xuất hàng do ở gần các cảng, sân bay lớn. Mạng lưới các chi nhánh được thiết lập rộng khắp các khu vực trọng điểm kinh tế như Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và sẽ được mở rộng nhanh chóng trong thời gian tới. Thêm vào đó, Công ty cũng đã thiết lập được một mạng lưới đại lý quốc tế có quy mô với các nước lớn và có nhu cầu tiềm năng như Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.

### **7.2.2. Nhân tố khó khăn**

- Chịu ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Khi ngành xuất khẩu bị đình trệ, nhu cầu về vận tải đa phương thức sẽ bị ảnh hưởng.
- Bên cạnh đó, các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đa phương thức cũng đang bị chi phối bởi những quy định trong các điều ước, thỏa thuận quốc tế về an toàn, an ninh trên biển đòi hỏi ngày càng cao hơn.
- Chuỗi cung ứng đã bị đảo lộn và đứt gãy do đại dịch Covid-19 mà những hoạt động thuộc ngành Logistics – cốt lõi của chuỗi cung ứng cũng không tránh khỏi ảnh hưởng. Các dịch vụ vận tải như vận tải đường bộ, vận tải đường sắt hay vận tải hàng không bị thiệt hại nặng nề nhất. Vận tải biển có bị tác động nhẹ hơn bởi việc giữ vững cước phí, dù yêu cầu chuyên chở có giảm sút và khó khăn về thủ tục do đại dịch (khi phải có những giấy tờ xét nghiệm, chứng nhận an toàn sức khỏe,... mới được thông qua).

## **8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành**

### **8.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành vận tải, logistics, CTCP Giao nhận Vận tải ngoại thương tự hào là một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hàng đầu trong ngành với đội ngũ kỹ sư, công nhân viên lành nghề được đào tạo bài bản kết hợp cùng những trang thiết bị công nghệ hiện đại chuyên dụng. Bên cạnh đó, Công ty chuyên cung cấp giải pháp vận chuyển và hậu cần hàng đầu trên thế giới, về các dịch vụ như Active kho bãi, đóng sự kiện, đóng gói, vận chuyển bằng đường không, đường bộ, biển đại lý,... Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, marketing nhằm thu hút các khách hàng mới, mở rộng thị phần đồng thời có những chính sách đào tạo lao động phù hợp với tình hình thực tế thị trường



cũng như ngân sách Công ty. Qua đó tiếp tục khẳng định uy tín, vị thế vững chắc trên thị trường.

### **8.2. Triển vọng phát triển ngành**

Giống như hầu hết. Sự gia tăng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động trong đời sống hàng ngày tạo ra nhiều cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành kinh doanh dịch vụ vận tải, logistics. Hơn nữa, việc Việt Nam tham gia ngày càng nhiều các Hiệp định thương mại với các đối tác nước ngoài đặc biệt là hiệp định EVFTA mới được ký kết gần đây sẽ mở ra cơ hội cho hàng hóa các nước khác tiếp cận Việt Nam và hết các ngành công nghiệp và dịch vụ khác, sự phát triển của ngành logistics có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển chung của nền kinh tế. Trong năm 2022, đề xuất tăng giá dịch vụ cảng biển sẽ là yếu tố hỗ trợ tích cực nếu được thông qua. Việc tăng dần giá dịch vụ cảng biển để tiến tới ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN là mục tiêu chiến lược của các cảng biển Việt Nam. Việc tăng giá 10% có thể sẽ được thực hiện nếu tình hình dịch Covid-19 được cải thiện. Tuy nhiên, tác động thực tế có thể khác nhau đối với từng khu vực cảng. Bên cạnh đó, vận tải container có tiềm năng tăng lợi nhuận đáng kể do giá cho thuê tàu và giá cước vận tải nội địa cao. Nhu cầu vận chuyển nội địa sẽ phục hồi từ mức thấp trong năm 2021, khi hoạt động sản xuất hồi phục trở lại nhờ tỷ lệ tiêm chủng cao. Mặt khác, nguồn cung tàu đang khan hiếm do một nửa đội tàu trong nước hiện đang ký hợp đồng cho thuê ra thị trường quốc tế. Tình hình này dự kiến sẽ kéo dài trong ít nhất 2 năm trước khi các hợp đồng cho thuê tàu kết thúc. Điều này sẽ có lợi cho tất cả các công ty vận tải có tàu container vận hành ở thị trường nội địa.

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng tương đối ổn định cùng với sự mở rộng và phát triển đa dạng các ngành nghề, thu nhập của người dân cũng đang được cải thiện và nâng cao đáng kể ngược lại, điều này sẽ mở ra một cơ hội hết sức tiềm năng cho ngành vận tải, logistics, các Công ty trong ngành phải cố gắng đổi mới, mở rộng thị trường hoạt động bắt kịp xu hướng phát triển của nền kinh tế.

### **8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

**Bảng 16: Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp tiêu biểu trong ngành năm 2021**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*



Chỉ tiêu	CTCP Giao nhận vận tải Ngoại thương	CTCP Cảng Hải Phòng	CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	CTCP Gemadept
Tổng tài sản	792.028	6.102.500	1.449.395	10.731.211
Doanh thu thuần	2.544.346	2.284.630	608.576	3.206.290
Lợi nhuận sau thuế	11.017	696.445	277.127	612.182

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của CTCP Giao nhận vận tải Ngoại thương, CTCP Cảng Hải Phòng, CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ, CTCP Gemadept*

#### **8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong vài năm gần đây khá ổn định và có dấu hiệu tăng trưởng dù chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Một nền kinh tế phát triển lành mạnh là điều kiện tất yếu cho các ngành nghề phát triển cùng nhịp, đặc biệt là ngành vận tải, logistics. Nắm bắt được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mà ngành và chính sách của nhà nước đề ra, Ban lãnh đạo Công ty định hướng tiếp tục giữ vững hoạt động phát triển các trụ sở, chi nhánh và mở rộng ra nhiều khu vực nhằm đa dạng hoá địa bàn để thực hiện giao dịch với khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục giữ vững hoạt động kinh doanh các ngành nghề nền tảng như đường biển và đường hàng không

#### **9. Chính sách đối với người lao động**

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, VNT đã xây dựng và phát triển các chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, phân rõ từng chính sách cho từng loại đối tượng lao động và đạt được sự đồng thuận cao từ cán bộ công nhân viên trong Công ty, cam kết sẽ dốc hết tâm huyết cùng đóng góp cho sự tăng trưởng chung của toàn Công ty.

+ *Số lượng lao động theo từng loại*



Tính đến thời điểm 31/12/2021, số lượng nhân sự trong toàn Công ty là 405 nhân viên.

**Bảng 17: Cơ cấu lao động Công ty**

STT	Trình độ	Tổng số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trên Đại học	8	2%
2	Đại học, Cao đẳng	321	79%
3	Trung cấp, sơ cấp	76	19%
<b>Tổng số</b>		<b>405</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

+ *Mức lương bình quân:*

Mức thu nhập bình quân của các bộ công nhân viên Công ty trong năm 2021 đạt 7.434.000 đồng/người/tháng, ở mức tương đương với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

+ *Chế độ làm việc:*

- Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần với 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ tính cho người lao động từ 150% đến 300% lương làm việc thông thường.
- Đối với nhân viên làm việc theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.
- Nhân viên làm đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm và cứ mỗi 2 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Hằng năm, Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên để cán bộ nhân viên yên tâm công tác và đóng góp, gắn bó cho công ty.
- Tổ chức các kỳ nghỉ dưỡng, chơi teambuilding hàng năm, nhằm tái tạo lại sức lao động cho nhân viên vào các ngày lễ hàng năm.
- Cung cấp trang phục và phương tiện bảo hộ lao động theo tính chất công việc.



- Công ty thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các buổi tập huấn các quy định về an toàn vệ sinh lao động.
  - Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho NLD.
  - Chăm lo cho con CBNV vào các dịp Ngày Thiếu Nhi 1/6, Tết Trung Thu, phần thưởng cho học sinh giỏi vào cuối năm học.
  - Các hoạt động chào mừng ngày phụ nữ 8/3, 20/10.
  - Tích cực tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các phong trào Hội thi văn nghệ, Hội thao do Công đoàn Khối và Hiệp Hội Logistics tổ chức
- + *Chính sách tuyển dụng và đào tạo:*
- VNT luôn chú trọng xây dựng đội ngũ lao động thông qua các biện pháp thiết thực có hiệu quả. Việc tuyển dụng được thực hiện thông qua các bài thi tuyển đầu vào do Công ty tổ chức, ứng viên phù hợp với công việc sẽ được Công ty tuyển chọn thành nhân viên chính thức.
  - Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ năng tốt, vì vậy VNT thường xuyên cử cán bộ nhân viên tham gia khóa học đào tạo của các tổ chức giao nhận IATA, FIATA,...các lớp học về quản trị, khóa học quản lý của các trường, viện kinh tế, Công ty cũng thuê giảng viên tại các trường Đại học hàng đầu Việt Nam về giảng dạy nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên Công ty. Nhân viên mới tuyển dụng vào sẽ được tập huấn, đào tạo bài bản theo lộ trình do các Trưởng/Phó phòng các phòng nghiệp vụ có trình độ chuyên môn cao và có kinh nghiệm qua thời gian gắn bó lâu dài với Công ty.
- + *Chính sách lương thưởng, phúc lợi:*
- Trong các năm qua, Công ty đã có chính sách phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP cho cán bộ công nhân viên chủ chốt của Công ty nhằm gắn lợi ích của nhân viên với lợi ích của Công ty, giữ chân và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty, tạo thêm quyền lợi khác cho nhân viên ngoài tiền lương và thưởng, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho nhân viên để thu hút nhân tài và tạo cạnh tranh so với thị trường.
  - Để đảm bảo thu nhập cho nhân viên Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặc biệt chú trọng đến vấn đề tăng đều đặn doanh thu hàng năm, cắt



giảm những chi phí không cần thiết. Hiện tại, VNT đã triển khai áp dụng cơ chế khoán lương theo kết quả kinh doanh, trong đó có nhiều yếu tố khuyến khích đãi ngộ đối với đội ngũ nhân viên cốt cán, có năng lực và đã có những cống hiến đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp tạo nên thu nhập cho Công ty, nâng cao chế độ trách nhiệm cụ thể của mọi chức danh, nhất là đội ngũ nhân viên, chuyên viên nghiệp vụ.

- Năm 2021 Công ty đã vượt qua các khó khăn trong việc tập trung vào vốn đầu tư, vẫn đảm bảo các lợi ích vật chất và tinh thần cho nhân viên trong Công ty.

## **10. Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu trong danh mục nợ của Tổ chức đăng ký niêm yết**

### **10.1. Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu**

Để bổ sung nguồn vốn nhằm tăng quy mô hoạt động và tái cơ cấu các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương đồng thời huy động các hình thức khác như hợp tác đầu tư góp vốn hay vay nợ ngân hàng hoặc phát hành các công cụ nợ (trái phiếu/trái phiếu chuyển đổi,...). Các khoản nợ hiện có hoặc dự kiến bổ sung trong thời gian tới tùy nhu cầu vốn cụ thể tại từng thời kỳ sẽ được Công ty thiết kế với cấu trúc vay phù hợp trong đó các khoản vay và sử dụng vốn đúng mục đích để đảm bảo tính thanh khoản cũng như không vượt quá hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đã cam kết.

### **10.2. Thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của tổ chức đăng ký niêm yết**

Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, có thứ tự thanh toán ngang bằng với các nghĩa vụ nợ khác của Tổ chức đăng ký niêm yết. Các trái phiếu có quyền, lợi ích ngang nhau và không Trái phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào so với bất kỳ Trái phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

Khi thanh lý tài sản của Tổ chức đăng ký niêm yết nhằm mục đích giải thể hay phá sản Tổ chức Đăng ký niêm yết, Trái phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán sau các nghĩa vụ nợ đối với người lao động và Nhà nước nhưng trước so với các khoản phân chia cho cổ đông của Tổ chức đăng ký niêm yết. Trong trường hợp giá trị tài sản không đủ để thanh toán các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính của Tổ chức đăng ký



niêm yết, từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### ❖ Trích khấu hao Tài sản cố định:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản

**Bảng 18: Thời gian khấu hao tài sản cố định**

Loại Tài sản cố định	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Khác	04 năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

#### ❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính đến thời điểm 31/12/2021 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

#### ❖ Các khoản phải nộp theo luật định:

**Bảng 19: Các loại thuế phải nộp - Riêng**

Đơn vị tính: đồng

Thuế	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	562.572.777	470.789.807	468.195.541
Thuế thu nhập doanh nghiệp	755.979.523	4.853.643.820	1.435.511.066
Thuế thu nhập cá nhân	418.371.048	3.152.159.710	960.154.922
Các loại thuế khác	769.118.156	1.236.074.152	1.310.106.024
<b>Tổng</b>	<b>2.506.041.504</b>	<b>9.712.667.489</b>	<b>4.173.967.553</b>

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

**Bảng 20: Các loại thuế phải nộp - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng



Thuế	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	650.992.286	793.107.683	809.137.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.578.657.090	5.983.356.958	2.339.499.861
Thuế thu nhập cá nhân	733.765.502	4.446.541.705	1.379.451.468
Các loại thuế khác	769.118.156	1.434.400.006	1.508.431.878
<b>Tổng</b>	<b>3.732.533.034</b>	<b>12.657.406.352</b>	<b>6.036.520.490</b>

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Công ty, theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

❖ **Tổng dư nợ vay**

**Bảng 21: Nợ phải trả của Công ty – Riêng**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Nợ ngắn hạn	370.375.784.271	395.983.626.093	380.898.386.589
Nợ dài hạn	1.000.000.000	65.189.341.316	62.126.639.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>371.375.784.271</b>	<b>461.172.967.409</b>	<b>443.025.026.279</b>

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

**Bảng 22: Nợ phải trả của Công ty - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Nợ ngắn hạn	452.835.232.202	527.585.336.292	475.237.594.708
Nợ dài hạn	2.000.000.000	66.189.341.316	63.126.639.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>454.835.232.202</b>	<b>593.774.677.608</b>	<b>538.364.234.398</b>

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.



- **Tổng nợ phải thu**

**Bảng 23: Các khoản nợ phải thu - Riêng**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>185.627.158.376</b>	<b>277.264.073.925</b>	<b>260.054.978.452</b>
Phải thu từ khách hàng	125.803.034.366	219.331.523.062	185.452.755.856
Trả trước cho người bán	45.497.861.283	45.386.039.919	60.717.775.217
Phải thu ngắn hạn khác	16.513.142.435	16.464.316.119	17.771.278.410
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.186.879.708)	(3.917.805.175)	(3.886.831.031)

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

\*Chi tiết:

**Bảng 24: Phải thu quá hạn của Công ty – Riêng**

Đơn vị tính: đồng

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn
<b>1. Tại ngày 31/12/2020</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
Các khách hàng khác	3.169.463.356	2.098.204.378	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>4.285.084.086</b>	<b>2.098.204.378</b>		
<b>2. Tại ngày 31/12/2021</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng



Phòng				thanh toán
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	2.650.090.398	Từ 1 năm đến 2 năm	
Các khách hàng khác	272.469.080	120.375.034	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>6.688.270.607</b>	<b>2.770.465.432</b>		
<b>3. Tại ngày 31/03/2022</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	2.650.090.398	Từ 1 năm đến 2 năm	
Các khách hàng khác	195.588.601	74.468.699	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>6.611.390.128</b>	<b>2.724.559.097</b>		

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

**Bảng 25: Các khoản nợ phải thu - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>249.407.786.247</b>	<b>380.977.760.106</b>	<b>322.820.541.013</b>
Phải thu từ khách hàng	225.046.489.891	358.763.680.260	296.586.406.177
Trả trước cho người bán	9.107.697.006	8.241.246.999	10.131.662.036
Phải thu ngắn hạn khác	20.413.114.381	21.075.973.165	23.238.220.742
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.159.515.031)	(7.103.140.318)	(7.135.747.942)



Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

\*Chi tiết:

**Bảng 26: Phải thu quá hạn của Công ty - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn
<b>1. Tại ngày 31/12/2020</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
CTCP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
Các khách hàng khác	6.206.916.888	3.239.938.931	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>8.399.453.962</b>	<b>3.239.938.931</b>		
<b>2. Tại ngày 31/12/2021</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
CTCP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
Công ty TNHH Thương mại đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	2.650.090.398	Từ 1 năm đến 2 năm	
Các khách hàng khác	3.239.952.106	979.439.261	Từ 6 tháng đến trên 3	



			năm	
<b>Cộng</b>	<b>10.732.669.977</b>	<b>3.629.529.659</b>		
<b>3. Tại ngày 31/03/2022</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
CTCP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
Công ty TNHH Thương mại đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	2.650.090.398	Từ 1 năm đến 2 năm	
Các khách hàng khác	3.239.952.106	979.439.261	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>10.555.489.179</b>	<b>3.419.741.237</b>		

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

- **Tổng nợ phải trả**

**Bảng 27: Các khoản nợ phải trả - Riêng**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>370.275.784.271</b>	<b>395.983.626.093</b>	<b>380.898.386.589</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	123.562.888.014	158.429.383.924	189.265.986.865
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.083.422.059	1.638.988.656	2.685.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.506.041.504	11.347.699.574	4.372.293.407
Phải trả người lao động	-	9.463.022.275	14.900.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	121.045.542	11.175.707.650	15.505.413.614



Phải trả ngắn hạn khác	5.194.754.094	5.164.207.729	6.222.256.729
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	237.904.550.791	198.756.422.906	150.629.750.974
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.082.267	8.193.379	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>65.189.341.316</b>	<b>62.126.639.690</b>
Chi phí phải trả dài hạn	-	3.840.996.811	715.925.441
Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	2.457.062.000	2.435.709.744
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>371.375.784.271</b>	<b>461.172.967.409</b>	<b>443.025.026.279</b>

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

**Bảng 28: Các khoản nợ phải trả - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>452.835.232.202</b>	<b>527.585.336.292</b>	<b>475.237.594.708</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	171.669.544.048	253.008.495.745	245.223.270.058
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.347.925.163	2.606.128.498	409.581.675
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.732.533.034	12.964.399.445	6.036.520.490
Phải trả người lao động	-	16.149.956.759	23.628.096.924
Chi phí phải trả ngắn hạn	526.757.611	12.266.046.114	17.741.799.104
Phải trả ngắn hạn khác	5.201.977.222	5.180.755.557	6.239.264.657
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	270.353.412.857	225.401.360.795	175.959.061.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.082.267	8.193.379	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>66.189.341.316</b>	<b>63.126.639.690</b>
Phải trả dài hạn khác	2.000.000.000	3.457.062.000	3.435.709.744



Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
Chi phí phải trả dài hạn	-	3.840.996.811	715.925.441
Trái phiếu chuyển đổi	-	58.891.282.505	58.975.004.505
<b>Tổng cộng</b>	<b>454.835.232.202</b>	<b>593.774.677.608</b>	<b>538.364.234.398</b>

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 29: Một số chỉ tiêu tài chính theo Báo cáo tài chính riêng**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	0,87	1,20
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	Lần	0,87	1,20
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	63,86	63,37
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	176,67	173,00
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	1,34	2,23
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,92	3,82
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,60	23,42
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	2,58	8,53
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,05	4,38

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán

**Bảng 30: Một số chỉ tiêu tài chính theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
--------------	-------------	----------	----------



<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	0,92	1,170
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	Lần	0,92	1,170
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	70,90	74,97
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	243,61	299,50
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	2,07	3,55
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-0,78	0,43
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-4,83	5,72
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	-1,60	1,54
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-0,60	0,84

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán

## 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 12.1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

**Bảng 31: Danh sách thành viên HĐQT của Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Công Thành	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT
4	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên HĐQT
8	Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT



Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

**a. Ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên:	Nguyễn Xuân Giang
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	16/02/1969
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	030837312 cấp ngày 22/03/2013 – CA Hải Phòng
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	19C 19 TT Thủy Tĩnh, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa:	Kỹ sư điều khiển tàu biển
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
- Quá trình công tác:	
04/1999 – 04/2003	Phó Giám đốc chi nhánh Vinatrans Hải Phòng
05/2003 – 12/2007	Giám đốc chi nhánh CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng
04/2009 – 05/2013	Giám đốc chi nhánh Hải Phòng kiêm Phó Tổng giám đốc và Thành viên HĐQT Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
05/2013 – 04/2018	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
23/04/2018 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
2018 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VNT Holdings



Số Cổ phần nắm giữ:	
- Cá nhân sở hữu	192.542 cổ phần tương đương 1,61% VDL
- Đại diện sở hữu	1.389.000 cổ phần tương đương 11,62% VDL đại diện cho Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	2.778.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VNT Holdings tương đương 23,36% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

**b. Ông Trần Công Thành – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

- Họ và tên:	Trần Công Thành
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	24/01/1976
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012564126 cấp ngày 19/07/2012 – CA Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 8 Ngõ 165 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:	
1996 – 2003	Kế toán trưởng Chi nhánh Vinatrans Hà Nội
2003 – 2008	Kế toán trưởng CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại



	thương
2008 – 05/2013	Phó Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
05/2013 – 04/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
04/2018 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
11/2018 – Nay	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VNT Holdings
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	83.701 cổ phần tương đương 0,70% VDL
- Đại diện sở hữu	1.389.000 cổ phần tương đương 11,62% VDL đại diện cho Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	2.778.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VNT Holdings tương đương 23,36% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

**c. Ông Vũ Thế Đức – Thành viên HĐQT**



- Họ và tên:	Vũ Thế Đức
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	09/03/1957
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	022079728 cấp ngày 28/03/2011 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	102C Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	Kỹ sư địa chất dầu khí
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại thương
- Quá trình công tác:	
1983 – 1987	Nhân viên công tác tại Viện Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
1987 – 2009	Làm việc tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)
01/2009 – 03/2015	Tổng Giám đốc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)
04/2009 – 05/2013	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
05/2013 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
03/2015 – 03/2017	Chủ tịch HĐQT Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)
04/2017 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Logistics Vinalink
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Logistics Vinalink



tổ chức khác	
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	6.450 cổ phần tương đương 0,05% VDL
- Đại diện sở hữu	Không có
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

#### d. Ông Lê Duy Hiệp – Thành viên HĐQT

- Họ và tên:	Lê Duy Hiệp
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	5/12/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	072063002244 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21/06/2019.
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	40/6 Huỳnh Đình Hai, Phường 14 Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế



- Quá trình công tác:	
1981 – 1985	Đi bộ đội tại Trường Hậu Cần QK7 và Trung đoàn Gia Định
1986 – 1990	Học Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh
1990 – 1998	Công tác tại Công ty Cung ứng tàu biển Tp. HCM (Saigon Shipchanco) qua các chức vụ Phó phòng cung ứng tàu biển, Trưởng phòng KD-XNK, Trưởng phòng Đại lý tàu biển
1998 – 2004	Phó Giám đốc Công ty CP Hàng hải MACS
2004 – 04/2009	Giám đốc điều hành – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng hải MACS
2008 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ hàng hải (Mac Shipping)
03/2009 – 08/2011	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Transimex
05/2009 – Nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Transimex
09/2011 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Transimex
04/2012 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vinafreight
2013 – 06/2018	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An
07/2016 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
04/2018 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải (Mac Shipping) Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Transimex



	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vinafreight Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
Số Cổ phần nắm giữ - Cá nhân sở hữu - Đại diện sở hữu	Không có 785.680 cổ phần tương ứng 6,58% VDL đại diện cho Công ty Cổ phần Transimex
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	+ CTCP Transimex: 2.107.440 cổ phần tương đương 17,72 % VDL + CTCP Vinafreight: 2.961.500 cổ phần tương đương 24,9% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

**e. Ông Nguyễn Bích Lân – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên:	Nguyễn Bích Lân
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	10/04/1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	021879061 cấp ngày 14/07/2014 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh



- Địa chỉ thường trú:	285/T8/B2 Cách mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại thương
- Quá trình công tác:	
1988 – 2001	Công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Tp. Hồ Chí Minh
2001 – 08/2013	Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Ngoại thương
04/2012 – 07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Vinafreight
04/2018 – Nay	Thành viên HĐQT CTCP Transimex
04/2018 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
08/2020 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Vinafreight
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP Vinafreight Thành viên HĐQT Công ty CP Transimex
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	66.000 cổ phần tương đương 0,55% VDL
- Đại diện sở hữu	2.961.500 cổ phần tương đương 24,78% đại diện cho Công ty Cổ phần Vinafreight
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	+ CTCP Vinafreight: 2.961.500 cổ phần tương đương 24,90% VDL + CTCP Transimex: 2.107.440 cổ phần tương đương 17,72% VDL



- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

**f. Bà Lê Hoàng Như Uyên – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên:	Lê Hoàng Như Uyên
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	08/03/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	023121868 cấp ngày 21/03/2008 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	95/6/12 Lương Định Của, phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Khoa học chuyên ngành ngôn ngữ Anh Văn
- Quá trình công tác:	
1996 - Nay	Công tác tại Công ty cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam
02/2021 - Nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam
03/2021 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Vinatrans Đà Nẵng
03/2021 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam

352  
 1G  
 PHẢ  
 AN V  
 THU  
 A-TY



04/2021- Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam Thành viên HĐQT Công ty Vinatrans Đà Nẵng
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	Không có
- Đại diện sở hữu	900.000 cổ phần tương ứng 7,53% VDL đại diện cho Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

**g. Ông Nguyễn Bảo Trung – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên:	Nguyễn Bảo Trung
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	05/11/1982
- Quốc tịch:	Việt Nam



- Số chứng minh nhân dân:	001082007565 cấp ngày 17/04/2015 – Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phòng A2108, tầng 21, tòa A, chung cư Sky City, 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngành Quản lý kinh doanh
- Quá trình công tác:	
08/2004 – 06/2007	Nhân viên Phòng Khai thác Tàu biển – Công ty CP Hàng hải Đông Đô
07/2007 – 06/2008	Học sau Đại học chuyên ngành Supply Chain Management & Logistics tại Arab Academy of Scientific, Technology and Transportation in Alexandria, Egypt
06/2008 – 08/2009	Phó phòng Khai thác Tàu biển – Công ty CP Hàng hải Đông Đô
09/2009 – 03/2010	Chuyên viên Nghiên cứu Phát triển Kinh doanh – Công ty TNHH Maersk Việt Nam
04/2010 – 04/2014	Quản lý Kho vận Miền Bắc – Công ty TNHH Maersk Việt Nam
05/2014 – 2019	Giám đốc Chi nhánh Phía Bắc - Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long
04/2018 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TRANSCO)
04/2018 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long
01/2020 – Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex
04/2021 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Transimex Thành viên HĐQT Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TRANSCO)
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	Không có
- Đại diện sở hữu	Không có
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	2.107.440 cổ phần của Công ty Cổ phần Transimex tương đương 17,72% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

### 12.2. Ban Tổng giám đốc

**Bảng 32: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc



**a. Ông Trần Công Thành – Tổng giám đốc (Lý lịch như đã nêu trên)****b. Ông Lê Đại Thắng – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên:	Lê Đại Thắng
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	01/06/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	030891547 cấp ngày 24/08/2009 – CA Hải Phòng
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 328, Lô 22, Lê Hồng Phong Phường Đông Khê, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điều khiển tàu biển
- Quá trình công tác:	
01/1995 – 07/1999	Cán bộ phòng Vận tải quốc tế Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng
07/1999 – 04/2008	Nhân viên tại VNT Hải Phòng
04/2008 – 04/2018	Phó giám đốc chi nhánh kiêm trưởng phòng RCL (Regional container lines)
23/04/2018 – nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương kiêm Giám đốc chi nhánh VNT Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	35.825 cổ phần tương đương 0,3% VDL



- Đại diện sở hữu	Không có
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Bà Đặng Thị Mai Hương nắm giữ 63.578 cổ phần tương đương 0,5% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

### c. Ông Tăng Anh Quốc - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên:	Tăng Anh Quốc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	15/07/1980
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	013266709 cấp ngày 21/04/2010 tại Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Nhà A9 KTT Nhà máy Cơ khí Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế đối ngoại
- Quá trình công tác:	
07/2003 – 02/2007	Nhân viên Công ty VNT Logistics
03/2007 – 05/2008	Phó Trưởng phòng Đường biển nhập – Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành



06/2008 – 07/2008	Trưởng phòng Đường biển nhập – Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành
08/2008 – 02/2009	Phó Giám đốc Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành
03/2009 – Nay	Giám đốc Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành
06/2019 – Nay	Giám đốc chi nhánh Công ty Cổ Phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Tp. Hồ Chí Minh
07/2020 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	Không có
- Đại diện sở hữu	Không có
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

**d. Ông Ngô Trọng Bắc - Phó Tổng Giám đốc**



- Họ và tên:	Ngô Trọng Bắc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	03/03/1981
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	013218291 cấp ngày 01/10/2012 tại Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 153 Đê Tô Hoàng, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	Cử nhân Kinh tế
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
- Quá trình công tác:	
2003 - 2005	Công ty TNHH Xúc tiến Đầu tư InvesPro
2005 - 2010	Sale Executive/Air-export Dept/ Công ty Vinatrans Ha Noi
2010 - 2012	Air-Export Manager/ Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành
2012 - 2020	Air-Export Manager/ Công ty Cổ Phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
07/2020 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số Cổ phần nắm giữ	
Cá nhân sở hữu	Không có
Đại diện sở hữu	Không có

358  
 T Y  
 N  
 IN T A  
 UNG  
 HA



- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

### 12.3. Ban kiểm soát

**Bảng 33: Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Trần Thị Kim Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên Ban Kiểm soát

#### a. Bà Trần Thị Kim Ngân – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên:	Trần Thị Kim Ngân
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	29/12/1978
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	001178042264 cấp ngày 10/07/2021 – Cục CSQLHCVTTXH
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 27 Phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12



-Trình độ chuyên môn:	- Cử nhân Tiếng Anh - Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:	
2002 - 2009	Trưởng ban XNK Tập đoàn MIAN group - Việt Nam
2009 - 2012	Trưởng ban kinh doanh – XNK Công ty Shortcut partners – Đan Mạch
2012 - 2016	Trưởng ban kinh doanh – XNK Công ty PIC Vietnam – Hàn Quốc
2016 - 2020	Phó Giám đốc Công ty TNHH Sebang Vina – Hàn Quốc
01/2021 - Nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Logistics Thăng Long
04/2022 - Nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Logistics Thăng Long
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	Không có
- Đại diện sở hữu	392.840 cổ phần tương đương 3,29% VDL đại diện cho Công ty Cổ phần Transimex
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có



- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

**b. Bà Vũ Thị Bình Nguyên – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên:	Vũ Thị Bình Nguyên
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	27/05/1981
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	025826926 cấp ngày 16/12/2013 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	B26/15 ấp 2, Xã Hưng Long, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:	
10/2003 – 04/2009	Chuyên viên kế toán Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam
04/2009 – 03/2010	Chuyên viên kế toán Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
03/2010 – 03/2012	Trưởng BKS Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans , Thành viên BKS Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
03/2012 – 04/2014	Thành viên BKS Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans, Công ty Cổ phần



	Logistics Vinalink
01/2014 – 04/2015	Phó phòng kế toán Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans , Trưởng BKS Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
04/2015 – 04/2018	Trưởng BKS Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans, Trưởng BKS Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
04/2018 – 04/2019	Trưởng BKS Công ty Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans, Trưởng BKS Công ty Cổ phần Logistics Vinalink, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
04/2019 – Nay	Trưởng BKS Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại Thương
06/2021 – Nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức phát hành khác	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam - Vinatrans
Số Cổ phần nắm giữ	
Cá nhân sở hữu	Không có
Đại diện sở hữu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	900.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Transimex tương đương 7,53% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có



- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
-----------------------------	----------

**c. Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên:	Nguyễn Thị Kim Liên
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	13/05/1987
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	020187000116 cấp ngày 23/06/2016 - Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phòng 1005 N2, CT1.2 Chung cư 183 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:	
01/2010 – 12/2012	Kế toán Công ty CP dịch vụ ô tô 24
01/2013 – 12/2014	Kế toán CN Công ty TNHH Đầu tư Ba Sao tại HN
01/2015 – 07/2017	Kế toán Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Dầu Khí Sông Đà
05/2018 – Nay	Kế toán Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Kế toán Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không có

285  
 T Y  
 I AN  
 V AN  
 U ONG  
 TP. H



- Số cổ phần đại diện theo ủy quyền	Không có
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

#### 12.4. Kế toán trưởng

##### Bà Đỗ Thị Thu Hiền – Kế toán trưởng

- Họ và tên:	Đỗ Thị Thu Hiền
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	11/03/1977
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012873719 cấp ngày 09/10/2007 – CA Tp. Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 80 Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
2000 – 2002	Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam tại Hà Nội
2003 – 2007	Làm việc tại Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương



2008 – Nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số Cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân sở hữu	15.764 cổ phần tương đương 0,13% VDL
- Đại diện sở hữu	Không có
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không có

### 13. Tài sản Công ty

**Bảng 34: Giá trị tài sản Công ty tại ngày 31/03/2022 – Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: đồng*

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>104.739.648.785</b>	<b>71.369.450.211</b>	<b>33.370.198.574</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	52.967.101.368	23.745.371.818	29.221.729.550
Máy móc, thiết bị	10.908.748.915	8.386.206.367	2.522.542.548
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	39.263.020.556	37.778.179.503	1.484.841.053



Thiết bị, dụng cụ quản lý	745.307.946	638.455.592	106.852.354
Tài sản cố định khác	855.470.000	821.236.931	34.233.069
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.469.823.186</b>	<b>2.403.484.819</b>	<b>1.066.338.367</b>
Quyền sử dụng đất	2.642.410.677	1.594.433.658	1.047.977.019
Phần mềm máy tính	827.412.509	809.051.161	18.361.348

Nguồn: BCTC Quý I/2022 tự lập của VNT

**Bảng 35: Giá trị tài sản Công ty tại ngày 31/03/2022 - Hợp nhất**

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>109.733.092.171</b>	<b>74.618.774.421</b>	<b>35.114.317.750</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	52.967.101.368	23.745.371.818	29.221.729.550
Máy móc, thiết bị	10.908.748.915	8.449.976.631	2.419.172.284
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	43.985.236.622	40.724.270.026	3.260.966.596
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.016.535.266	877.919.015	178.216.251
Tài sản cố định khác	855.470.000	821.236.931	34.233.069
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.538.073.186</b>	<b>2.471.734.819</b>	<b>1.066.338.367</b>
Quyền sử dụng đất	2.642.410.677	1.594.433.658	1.047.977.019
Phần mềm máy tính	895.662.509	877.301.161	18.361.348

Nguồn: BCTC Quý I/2022 tự lập của VNT

**Bảng 36: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị tính: đồng

31/12/2020	31/12/2021	31/03.2022
306.108.900	147.239.000	147.239.000

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

**Bảng 37: Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: đồng



	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>			
Cổ phiếu CTCP Logistics Vinalink	6.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
Cổ phiếu CTCP Vinafreight	4.375.000.000	9.625.000.000	10.018.750.000
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>			
Tiền gửi có kỳ hạn	54.401.985.091	106.221.419.178	106.221.419.178
Trái phiếu	1.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết và các đơn vị khác</b>			
CTCP Cảng Mippec	188.280.000.000	180.337.500.000	180.337.500.000
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	2.260.000.000	2.260.000.000
CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long	16.778.200.000	19.363.200.000	19.363.200.000

Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC Quý I/2022 tự lập

#### 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

**Bảng 38: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo công ty mẹ**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2021	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần	1.000	68%	1.200	120%
Lợi nhuận sau thuế	40	72%	45	113%
Vốn chủ sở hữu	305	115%	305	100%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.04	-	0.04	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0.13	-	0.15	-
Cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại Thương)

**Bảng 39: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo hợp nhất**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
----------	----------	----------



	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2021	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần (*)	1.500	59%	2.000	133%
Lợi nhuận sau thuế*	1	9%	3	300%
Vốn chủ sở hữu	238	120%	238	100%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.0007	-	0.0015	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0.004	-	0.013	-
Cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại Thương)

**Ghi chú:**

(\*) Kế hoạch kinh doanh năm 2022 được lập bởi Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua ngày 25/04/2022 theo NQ số 01-2022/NQ/ĐHĐCĐ-VNT

Các chỉ tiêu còn lại do Ban Tổng giám đốc Công ty lập căn cứ theo các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

\*Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty giảm do hợp nhất lỗ kế hoạch từ Công ty liên kế là Công ty CP Cảng Mipecc – dự án mới được đưa vào khai thác, chi phí khấu hao và lãi vay còn lớn.

**Căn cứ thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận**

Năm 2021 là 1 một năm đầy khó khăn và nhiều thách thức bởi sự ảnh hưởng của đại dịch Covid dẫn đến việc đứt, gãy các chuỗi cung ứng. Đã ảnh hưởng không nhỏ tới các ngành dịch vụ của Công ty như vận tải quốc tế đường biển, hàng không,...

Trong năm 2021, Công ty VNT logistics vẫn luôn giữ vững vị trí là một trong những master co-loader hàng đầu về hàng không tại thị trường phía Bắc trong vòng 25 năm trở lại đây. Là top đầu các công ty có sản lượng hàng hóa trên hầu hết các hãng hàng không ở khu vực phía Bắc như Asiana Airlines (OZ), Korean Air (KE), Qatar (QR), Vietnam Airlines,... Sản lượng đạt tăng 134,6% so với năm 2020 và cao hơn mức tăng trưởng chung của thị trường cargo hàng không xuất khẩu. Về dịch vụ vận tải đường biển – hàng xuất khẩu, nhờ có quan hệ đã được thiết lập trong nhiều năm nên Công ty vẫn có sản lượng bán qua đường biển xuất khẩu tăng trưởng mạnh. Tổng sản lượng Teus tăng 150% so với năm 2020 cùng lợi nhuận tăng 400% so với năm 2020.



Năm 2022, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh các mảng kinh doanh hiện có như vận tải quốc tế đường biển, hàng không, contract logistics, tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào hạ tầng logistics tại khu vực phía Bắc và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, khi nhận thức được cơ hội các mặt hàng xuất khẩu tăng đa dạng cùng với việc mở rộng thị trường xuất khẩu sang Mỹ với nhiều khách hàng Công ty đã nhanh chóng đăng ký thành công giấy phép FMC vào Mỹ, hứa hẹn năm 2022 và các năm sau này sẽ có nhiều cơ hội mới. Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại Thương mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó của các Quý cổ đông để cùng vượt qua mọi thách thức và hoàn thành những mục tiêu dài hạn của Công ty.

#### Kết quả thực hiện quý 1

TT	Chỉ tiêu	TH Quý I/2022	KH năm 2022	(%) TH Quý I/2022 so với KH 2022
1	Doanh thu thuần	602.517.244.606	1.500.000.000.000	40,17%
2	Lợi nhuận trước thuế chưa hợp nhất lỗ, lãi vay	7.133.157.143	40.000.000.000	17,83%

(Nguồn: Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại Thương)

Trong quý I/2022, doanh thu và lợi nhuận trước thuế chưa hợp nhất lỗ, lãi vay đều đạt kết quả khá khả quan. Cụ thể, doanh thu thuần đã đạt 40,17% còn lợi nhuận trước thuế chưa hợp nhất lỗ, lãi vay cũng đạt 17,83% so với kế hoạch đề ra cho cả năm 2022. Kết quả này đạt được tính hiệu tích cực là do Công ty đã có những kế hoạch phát triển tốt như tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào hạ tầng logistics tại khu vực phía bắc. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang duy trì và phát triển tốt các mảng kinh doanh hiện có như vận tải quốc tế đường biển, hàng không, contract logistics.

#### 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi như kế hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.



Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**

Không có

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu niêm yết**

Không có



## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo, không kèm theo chứng quyền.

### 2. Tên trái phiếu<sub>[NH3]</sub><sub>[LTN4]</sub>

Trái phiếu Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

### 3. Mã trái phiếu: VNT421032

Ngày phát hành: Ngày 28/01/2021

Ngày đáo hạn: Ngày 28/01/2023

### 4. Thời hạn trái phiếu

02 năm kể từ ngày ngày phát hành

### 5. Mệnh giá

100.000 VND/01 trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/một trái phiếu)

### 6. Tổng số chứng khoán niêm yết

592.546 trái phiếu, tương đương 100% tổng số lượng trái phiếu đã phát hành

### 7. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

### 8. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

### 9. Lãi suất

Trái phiếu chuyển đổi có lãi suất cố định 7%/ năm

### 10. Kỳ hạn trả lãi

Lãi trái phiếu được thanh toán 01 năm/lần vào:

- Ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái phiếu của đợt phát hành
- Ngày đáo hạn của Trái phiếu trong đợt phát hành

### 11. Cam kết về bảo đảm

Các cam kết khác: Không có

Công ty cam kết sử dụng vốn đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

### 12. Mục đích sử dụng vốn



Tăng quy mô hoạt động, cụ thể là góp thêm vốn vào công ty và Tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính được điều chỉnh theo các Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2020, Nghị quyết 08/2020/NQ-HĐQT ngày 25/08/2020, Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐQT ngày 09/10/2020, Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐQT ngày 24/03/2021.

STT	Tên công ty/ Ngân hàng	Giá trị góp vốn/ thanh toán (VNĐ)	Thời gian dự kiến sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
<b>I</b>	<b>Góp thêm vốn vào các công ty</b>		
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	2.585.000.000	Trong năm 2020 -2021
<b>II</b>	<b>Tái cơ cấu lại các khoản nợ</b>		
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	56.669.600.000	Trong năm 2020 -2021
<b>Tổng cộng</b>		<b>59.254.600.000</b>	

### 13. Tình hình sử dụng vốn thực tế

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu là 59.254.600.000 VNĐ đã sử dụng chi tiết như sau:

STT	Tên công ty/ Ngân hàng	Giá trị đã góp vốn/ thanh toán (VNĐ)	Thời gian sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
<b>I</b>	<b>Góp thêm vốn vào các công ty</b>		
1	Công ty Cổ phần Cảng Mippec		
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	2.585.000.000	22/02/2021
<b>II</b>	<b>Tái cơ cấu lại các khoản nợ</b>		
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	56.669.600.000	19/02 và 25/03/2021
<b>Tổng cộng</b>		<b>59.254.600.000</b>	

### 14. Phương pháp tính giá

Bảng mệnh giá (100.000 đồng/Trái phiếu).

### 15. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (đối với niêm yết trái phiếu)

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày sau đây:



$$V = \frac{I}{YTM} \times \left[ 1 - \frac{1}{(1 + YTM)^n} \right] + \frac{MV}{(1 + YTM)^n}$$

Ví dụ minh họa: Giả sử một trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng, thời gian đáo hạn là 02 năm, lãi suất trái phiếu 7%/năm, kỳ trả lãi 01 năm/lần, hiện đang được bán với giá 100.000 đồng. Ta có các dữ liệu:

MV: 100.000 đồng

i: 7%/năm.

V: 100.000 đồng

n: 2.

$I = MV * i = 100.000 * 7\% = 7.000$

$100.000 = 7.000 / YTM * \{1 - 1 / (1 + YTM)^2\} + 100.000 / (1 + YTM)^2$

=>  $YTM = 7\%$

## 16. Phương thức thực hiện quyền

- Ngày chuyển đổi:
  - + Ngày đáo hạn của Trái phiếu chuyển đổi.
  - + Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn ngày chuyển đổi phù hợp.
- Quyền chuyển đổi: Tại Ngày chuyển đổi, Trái phiếu chuyển đổi được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương.
- Nguồn thanh toán lãi trái phiếu: Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành và nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác (bao gồm các nguồn thu từ việc huy động vốn) để thanh toán lãi Trái phiếu khi đến hạn.
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền: Tại Ngày chuyển đổi, Trái phiếu chuyển đổi được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi:
  - Giá chuyển đổi: Giá chuyển đổi được xác định bằng **80% Giá trị sổ sách** của Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất tính đến mỗi Ngày chuyển đổi, nhưng trong mọi trường hợp không cao hơn **15.000 Đồng/ Cổ phần**.
  - Tỷ lệ chuyển đổi:
 

Tỷ lệ chuyển đổi được tính theo công thức: Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi



- Điều chỉnh giá chuyển đổi:

Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo Điều khoản chống Pha loãng dưới đây trong trường hợp giá trị sổ sách nêu trên chưa phản ánh các sự kiện pha loãng được áp dụng.

HDQT sẽ xác định giá chuyển đổi chính thức và thông báo tại mỗi Thông báo chuyển đổi Trái phiếu.

- Điều khoản chống pha loãng:

Trong khoảng thời gian từ thời điểm phát hành đến khi chuyển đổi, để đảm bảo cho quyền lợi của trái chủ, giá chuyển đổi của trái phiếu sẽ được điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu VNT trên Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp tổ chức phát hành:

- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành;
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc tiền mặt;

Giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

**Giá chuyển đổi điều chỉnh = Giá chuyển đổi đang được áp dụng \*  $\frac{PR_t}{PR(t-1)}$**

Trong đó:

- $PR(t-1)$  là giá đóng cửa của cổ phiếu VNT trước ngày của các ngày hưởng quyền nêu trên.
- $PR_t$  là giá tham chiếu đã được điều chỉnh của cổ phiếu VNT tại các ngày không hưởng các quyền nêu trên.
- Phương án đền bù cho chủ sở hữu trái phiếu trong trường hợp Tổ chức phát hành không thực hiện việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần theo các điều kiện, điều khoản đã công bố: Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi. Công ty sẽ thực hiện chuyển đổi đầy đủ đúng theo các điều kiện tại phương án phát hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trái chủ, các cổ đông và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đúng các quy định này.
- Phát hành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi: Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời Công ty cũng thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi.

Nguyên tắc làm tròn số cổ phần được chuyển đổi: khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, số cổ phiếu được chuyển đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ sẽ tự động hủy bỏ.



+ Giá chuyển đổi, phương pháp xác định giá chuyển đổi: Giá chuyển đổi được xác định bằng 80% giá trị sổ sách của CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương trên Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất tính đến mỗi ngày chuyển đổi, nhưng trong mọi trường hợp không cao hơn 15.000 đồng/cổ phần.

+ Tỷ lệ chuyển đổi: Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/ Giá chuyển đổi.

### 17. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết

Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản năm 2021 tăng 0,81% so với năm 2020, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,84%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, giá xăng, dầu và giá gas tăng. Mức lạm phát cơ bản năm 2021 so với những năm trước đều là mức thấp nhất kể từ năm 2011.

Tỷ lệ lạm phát giữ ở mức thấp và ổn định sẽ tạo điều kiện cho các chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Một số thay đổi trong điều hành lãi suất những năm qua luôn được Ngân hàng Nhà nước tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính ổn định và thực hiện các mục tiêu kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế. Việc quy định trần lãi suất cho vay, đặc biệt đối với lĩnh vực ưu tiên, đã gia tăng cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Thị trường trái phiếu chính phủ trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho NSNN, gắn công tác phát hành trái phiếu chính phủ với tái cơ cấu nợ Chính phủ thông qua việc tập trung phát hành các kỳ hạn dài khi thị trường thuận lợi, đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư. Đặc biệt công tác phát hành trái phiếu chính phủ đã khẳng định được vai trò là công cụ tái cơ cấu nợ công, giúp nợ công giảm tỷ trọng vay nước ngoài từ 73,6% năm 2010 xuống mức 63,4% năm 2015 và 34,8% năm 2021. Lãi suất bình quân huy động giảm từ khoảng 10% năm 2009 xuống khoảng 2% năm 2021, kỳ hạn phát hành bình quân kéo dài từ 2-3 năm năm 2009 lên 12,19 năm năm 2021, thông qua đó góp phần tái cơ cấu nợ công theo hướng an toàn, bền vững và tái cơ cấu để các đỉnh nợ rơi vào các thời điểm đồng đều hơn.

### 18. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- *Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương theo quy định pháp luật*

Theo công văn số 1335/UBCK-PTTT ngày 18/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNT là 49%.



- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương là 49%.

#### **19. Các loại thuế liên quan**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%);
- Thuế giá trị gia tăng (10%);
- Các loại thuế khác: áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

#### **❖ Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

Địa chỉ : Tầng 5, Sai Gon 3 Building, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP.  
Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (028) 3827 5026  
Fax : (028) 3827 5027  
Website : [www.rsm.com.vn/](http://www.rsm.com.vn/)

#### **❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

##### ***Trụ sở chính tại Hà Nội***

Địa chỉ: Số 52 Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ - Tp. Hà Nội  
Điện thoại: 19006446 Fax: 024.3773.9058  
Email: [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn) Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

##### ***Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh***

Địa chỉ: Số 29 - 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 19006446 Fax: 028.9255.246

##### ***Chi nhánh tại Tp. Đà Nẵng***

Địa chỉ: Số 100 Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Tp. Đà Nẵng  
Điện thoại: 19006446 Fax: 0236.3553.888

### **VII. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp



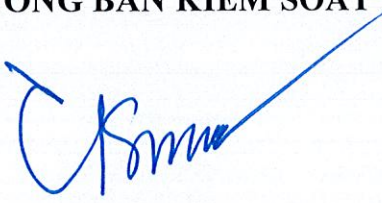
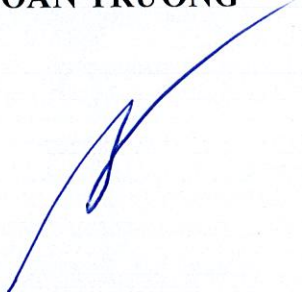



- 
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
  5. Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
  6. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính 2020,2021 của tổ chức đăng ký niêm yết

B. S. C.  
TÀI  
G  
A. N. O.



Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2022

<b>TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG</b>	
<b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  <b>NGUYỄN XUÂN GIANG</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>  <b>TRẦN CÔNG THÀNH</b>
<b>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</b>  <b>TRẦN THỊ KIM NGÂN</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>  <b>ĐỖ THỊ THU HIỀN</b>
<b>TỔ CHỨC TƯ VẤN</b> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT</b> <b>GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</b>	
 <b>NGUYỄN THỊ HẠNH</b>	